HỢP TÁC & PHÁT TRIỂN

ẤN PHẨM CỦA CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

“Trong thời gian tới, Ngành Kinh tế Hợp tác và PTNT bên cạnh tiếp tục phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được sau 20 năm xây dựng và trưởng thành, cần chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết những vấn đề mới đặt ra từ thực tiễn hoạt động của ngành và xuất phát từ yêu cầu của thị trường trong tình hình mới như: Nâng cao năng lực hoạt động của các HTX, cải thiện năng lực cạnh tranh của sản phẩm làng nghề; Đẩy mạnh phát triển du lịch nông nghiệp - nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững; Quan tâm triển khai các chương trình xúc tiến quảng bá, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp - nông thôn dựa trên lợi thế của hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc trưng văn hóa, sinh thái của các địa phương; xây dựng, phát triển và định vị thương hiệu điểm đến du lịch nông thôn…”

Ông Trần Thanh Nam, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

Ảnh bìa: Cao Cường

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
Ông Lê Đức Thịnh
Cục Trưởng Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT (DCRD)

BAN BIÊN TẬP
Ông Vũ Văn Tiến
Phó Cục Trưởng DCRD
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến
Phó Cục Trưởng DCRD
Ông Phùng Đức Hiệp
Chánh Văn phòng DCRD

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
+ Văn phòng DCRD
+ Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại - DCRD
+ Phòng Ngành nghề nông thôn - DCRD
+ Phòng Bố trí dân cư nông thôn - DCRD
+ Phòng Chính sách phát triển nông thôn - DCRD
+ Phòng Cơ điện nông nghiệp, nông thôn - DCRD
+ Phòng Diêm nghiệp – DCRD
+ Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam - PHANO

Hình ảnh minh họa và một số tư liệu với sự hỗ trợ của Ban Ảnh Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam cùng các NSNA, Nhà báo: Trần Mạnh Thường, Thanh Hà Xuân Nguyên, Trường Giang, Minh Xuyên, Minh Phượng, Văn Tiến, Phạm Văn Đồng, Vũ Thế Chiến, Nguyễn Gia Khánh.

CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024.3843879
Fax: 024.3843879
Email: cuckttht@gmail.com

MỤC LỤC

- *Mục lục.....**3***
- *Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn: 20 năm xây dựng và trưởng thành (2003 - 2023).....**4***
- *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hợp tác xã - Nguyễn Minh Đức.....**9***
- *Đổi mới toàn diện chính sách hỗ trợ để các HTX tăng cường liên kết, tự lực, tự cường vươn lên - Quyết Tuấn (TH).....**13***
- *HTX là điểm tựa của nền nông nghiệp cần phải hỗ trợ để phát triển nhanh, mạnh và bền vững - Xuân Nguyên.....**22***
- *Ngành Kinh tế Hợp tác và PTNT: Một số kết quả nổi bật, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm - Tạp chí PHANO.....**26***
- *Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030: những vấn đề đặt ra - Phòng Ngành nghề Nông thôn DCRD.....**38***
- *Dấu ấn Festival bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam 2023 - Văn phòng DCRD.....**46***
- *Nhóm chính sách mới nổi bật của luật hợp tác xã năm 2023 - Trọng Quỳnh.....**52***
- *Quan điểm và giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới - TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm.....**36***
- *Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế tập thể - Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại DCRD.....**62***
- *Một số chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" trên thế giới - Phương Nam - Ngân Anh.....**64***
- *Du lịch làng nghề: Thách thức và Triển vọng - An Ban.....**68***
- *Khúc tráng ca tự hào ngành kinh tế hợp tác và PTNT - Vương Xuân Nguyên **72***
- *Một số sản phẩm làng nghề đạt giải tại hội thi làng nghề năm 2023.....**75***

20 CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH (2003 - 2023)

Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Trải qua 20 năm xây dựng và trưởng thành (2003 - 2023), Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn - Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách, đạt được nhiều thành tựu quan trọng góp phần xây dựng nền "Nông nghiệp sinh thái - bền vững, Nông thôn hiện đại - đáng sống, Nông dân chuyên nghiệp - văn minh".

Quá tình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành và phát triển của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn gắn liền với lịch sử phát triển của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngay từ thời kỳ kháng chiến kiến quốc (1945-1954) đến thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975), nhiệm vụ chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn được Đảng và Nhà nước rất coi trọng. Khi đó nhiệm vụ này được giao cho các đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành như: Bộ Canh nông, Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Nông Trường, Bộ Thủy Lợi, Ban Định canh định cư Trung ương, Ủy ban Nông nghiệp Trung ương, v.v...

Sau ngày đất nước thống nhất (năm 1975) đến thời kỳ đổi mới (1986-1995), nhiệm vụ về chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm hơn, hình thành các tổ chức có hệ thống từ Trung ương đến địa phương như: Ban quản lý Hợp tác xã thuộc Bộ Nông nghiệp; Cục Di dân và Phát triển vùng kinh tế mới thuộc Bộ Lao động; Tổng Cục Khai hoang thuộc Bộ Nông trường; Cục Định canh định cư và Vùng kinh tế mới thuộc Ủy ban dân tộc và miền núi, v.v. Kế thừa và phát huy thành tựu 10 năm đổi mới tổ chức các cơ quan hành chính Nhà nước, Chính phủ đã có định hướng thu gọn các Bộ quản lý ngành hiện có theo hướng chuyển từ Bộ quản lý đơn ngành sang Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực có chức năng, nhiệm vụ gần giống nhau, nhằm giảm bớt sự chồng chéo, chia cắt giữa các Bộ, ngành để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thuỷ lợi và Phát triển nông thôn. Khi đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 02 đơn vị làm nhiệm vụ về chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn là Vụ Chính sách và Cục Định canh định cư và Vùng kinh tế mới.

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Từ năm 2003, theo yêu cầu thực tiễn về quản lý nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn (Quyết định số 96/2003/QĐ-BNN ngày 04/09/2003) trên cơ sở hợp nhất Cục Định canh định cư và Vùng kinh tế mới và Vụ Chính sách. Đến năm 2008, Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn đổi tên thành Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn ngày nay, đồng thời sáp nhập Vụ Kinh tế tập thể thuộc Bộ Thủy sản (Quyết định số 28/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008). Năm 2014, với yêu cầu đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo tỉnh thần Nghị quyết số 26-NQ/TƯ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương trên cơ sở tách ra từ Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn. Tiếp đó, ngày 31/3/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 1119/QĐ-BNN-TCCB sáp nhập 03 phòng chuyên môn và 01 đơn vị sự nghiệp từ Cục Chế biến, Thương mại Nông, Lâm, Thuỷ sản và Nghề muối (nay là Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản).

Đến nay, bộ máy tổ chức của Cục có 07 Phòng chuyên môn và 01 Trung tâm, bao gồm: Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại; Phòng Chính sách phát triển nông thôn; Phòng Ngành nghề nông thôn; Phòng Bố trí dân cư nông thôn; Phòng Cơ điện nông thôn; Phòng Diêm nghiệp; Văn phòng Cục và Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp. Nhiệm vụ chính của Cục gồm các lĩnh vực: i) Kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết sản xuất theo chuỗi trong nông nghiệp); ii) Phát triển Trang trại nông nghiệp và kinh tế hộ gia đình; iii) Diêm nghiệp; iv) Cơ điện nông nghiệp; v) Phát triển ngành nghề nông thôn; vi) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; vii) Định canh, bố trí ổn định dân cư, di dân tái định cư, viii) Phát triển sản xuất, sinh kế cho người nghèo, đồng bào vùng khó khăn.

Nhiệm vụ chính của Cục gồm các lĩnh vực: i) Kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết theo chuỗi trong nông nghiệp); ii) Trang trại nông nghiệp và kinh tế hộ gia đình; iii) Diêm nghiệp; iv) Cơ điện nông nghiệp; v) Phát triển ngành nghề nông thôn; vi) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; vii) Định canh, bố trí ổn định dân cư, di dân tái định cư, viii) Giảm nghèo, an sinh xã hội nông thôn. Ngoài ra, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn còn là đầu mối phối hợp thực hiện nhiều nhiệm vụ, chương trình quản lý nhà nước khác thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành khác như: Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững (Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội chủ trì); Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ủy ban Dân tộc chủ trì); Chương trình bảo hiểm nông nghiệp (Bộ Tài Chính chủ trì); Chương trình "Không còn nạn đói" ở Việt Nam; Chương trình Phòng chống ma túy, mại dâm (Bộ Công An chủ trì); Chương trình Huấn luyện an toàn lao động (Bộ Công thương chủ trì) và các chương trình an sinh xã hội nông thôn khác.

Những thành tựu nổi bật

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn được thành lập (2003) và được giao các nhiệm vụ về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, quy hoạch và bố trí dân cư, giảm nghèo, đào tạo nghề, ngành nghề nông thôn, cơ điện, nghề muối và các nhiệm vụ khác về phát triển nông thôn. Cục đã tham mưu, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chính sách quan trọng về phát triển Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, cụ thể là:

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, số lượng hợp tác xã nông nghiệp đã tăng 12.569 HTX. Từ năm 2012 đến nay, trung bình mỗi năm tăng thêm 800 hợp tác xã; tính đến hết tháng 6/2023, cả nước có khoảng 20.057 HTX nông nghiệp, 92 Liên hiệp HTX và hơn 30.000 tổ hợp tác nông nghiệp; số lượng thành viên hợp tác xã nông nghiệp khoảng 3,78 triệu người. Không chỉ tăng nhanh về số lượng, mà chất lượng và hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp cũng đã được cải thiện (trong đó có 2.200 HTX ứng dụng công nghệ cao). Năm 2020, doanh thu của các hợp tác xã đạt bình quân 2,44 tỷ đồng/năm, thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên đạt 40,5 triệu đồng/năm, gấp 9,1 lần so với năm 2001. Các chuỗi liên kết, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được phát triển với 4 tác nhân tham gia gồm 271 tổ chức khoa học,

586.585 hộ nông dân, 4.028 HTX nông nghiệp tham gia liên kết với 1.867 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Cả nước có 19.660 trang trại trong đó: 3.308 trang trại trồng trọt, 12.349 trang trại chăn nuôi, 133 trang trại lâm nghiệp, 1.810 trang trại nuôi thủy sản, 2.060 trang trại tổng hợp. Hiện có 1.034 trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, 56 trang trại tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp, 4.235 trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Nhiệm vụ về phát triển nông, lâm trường quốc doanh đến cuối năm 2005 chuyển về Ban đổi mới doanh nghiệp (nay là Vụ Tài chính). Năm 2005, cả nước có 444 nông, lâm trường. Đến cuối năm 2012, còn 387 nông, lâm trường, giải thể 38 đơn vị. Đến tháng 12 năm 2012, tính cả 266 đơn vị, tổ chức không thuộc diện thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết 28-NQ/TW, cả nước có 653 doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng, vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên được Nhà nước giao quản lý, sử dụng 7.996.467 ha đất.

Công tác Quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn này tiếp tục được quan tâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản để triển khai nhiệm vụ quy hoạch, bố trí ổn định dân cư. Đặc biệt, gần đây là Quyết định số 1776/QĐ- TTg ngày 21/11/2012 và hiện nay là Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng và Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gỗ từ nông, lâm trường. Kết quả, đến hết năm 2021, cả nước bố trí, sắp xếp định được khoảng 360 nghìn hộ, góp phần ổn định, nâng cao đời sống, sản xuất cho người dân, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, di cư tự do, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh của đất nước.

Bên cạnh đó, Cục được Bộ giao quản lý nhà nước lĩnh vực di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện, trong đó có một số dự án thủy điện lớn như Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, Huội Quảng - Bản Chát,... Đến nay, trên địa bàn 34 tỉnh, thành phố có tổng số 152 dự án thủy lợi, thủy điện phải thực hiện công tác di dân, tái định cư, với tổng số hộ dân phải di dời tái định cư là 81.397 hộ (trong đó: số hộ đã di chuyển đến các điểm tái định cư là 77.429 hộ (chiếm 95,1%); số hộ chưa di chuyển là 3.968 hộ thuộc 25 dự án thủy lợi, thủy điện (chiếm 4,9%).

HTX Nông nghiệp ngày càng đầu tư cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao

Nhiệm vụ về Giảm nghèo và An sinh xã hội nông thôn tập trung cho hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế cho hộ nghèo và thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội theo phân công của Chính phủ: Trong thời kỳ này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo giai đoạn 2006-2010; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh đã góp phần quan trọng giúp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của nước ta trong thời kỳ này đạt được nhiều kỳ tích. Tỷ lệ nghèo chung của Việt Nam tính theo phương pháp của Ngân hàng Thế giới năm 2002 đang ở mức là 28,9%, đến năm 2020 đã giảm xuống 2,7%.

Công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn được giao cho Cục từ năm 2014 theo Đề án 1956. Đến nay, cả nước đã đào tạo được 2,84/3,0 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (đạt 94,67% kế hoạch đề ra); số lao động có việc làm sau khi được đào tạo được khoảng 2,79 triệu người (đạt 98,24% so với tổng số lao động được đào tạo); số hộ gia đình có người tham gia học nghề để thoát nghèo là 65.515 hộ, số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá 134.016 hộ.

Ngành nghề nông thôn là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân ở khu vực nông thôn. Hiện cả nước có 168 nghề truyền thống và 1.966 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Tổng số cơ sở tham gia sản xuất kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn là 812.956 cơ sở, bao gồm 9.544 doanh nghiệp; 2.988 HTX; 6.735 tổ hợp tác và trên 793.688 hộ gia đình, tạo việc làm cho trên 2,23 triệu lao động. Thu nhập bình quân của lao động đạt 4- 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Cơ điện nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp được quan tâm và phát triển ngành, nhiều loại máy, thiết bị được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp. Từ năm 2004, Chính phủ cho phép các tỉnh hỗ trợ nông dân mua sắm máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp từ ngân sách của địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 và Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 về hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn. Xác định tầm quan trọng của việc áp dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp, ngày 23/9/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP về cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân mua sắm máy móc thiết bị như Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 63 và 65 và hiện nay đang trình Chính phủ ban hành Nghị định cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030.

Cùng với chính sách hỗ trợ của Chính phủ, địa phương và các tổ chức, cá nhân đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, đến nay nhiều khâu sản xuất nông nghiệp đã được cơ giới hóa, một số khâu đạt 100% như sản xuất lúa ở ĐBSCL, ĐBSH. Một số doanh nghiệp đã được áp dụng cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa cao trong chăn nuôi; một số nơi đã áp dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp như kiểm soát tưới, tiêu, bảo vệ thực vật, sử dụng thiết bị bay siêu nhẹ "drone" trong gieo trồng, phun thuốc bảo vệ thực vật. Cơ giới hóa nông nghiệp đã góp phần nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, tạo tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao.

Nghề muối là ngành sản xuất quan trọng ở Việt Nam, với tiềm năng bờ biển dài, song do chưa được quan tâm đầu tư nên hiệu quả thu nhập của người làm muối chưa cao. Hiện diện tích đất làm muối bình quân 3,8 ha/trang trại; giá

trị vốn đầu tư và vốn sản xuất kinh doanh bình quân 3,52 tỷ đồng/trang trại; lao động thường xuyên bình quân 3,5 lao động/trang trại. Tổng giá trị sản xuất của các trang trại bình quân 2,86 tỷ đồng/trang trại/năm. Do đó, ngành Muối cần chuyển dịch cơ cấu sản xuất muối gắn với đổi mới công nghệ, đầu tư mới và cải tạo đồng muối để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Chính vì vậy, ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 1325/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021-2030 xác định đưa ngành Muối phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững trên cơ sở tận dụng tối đa lợi thế của các địa phương có truyền thống sản xuất muối để nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa các loại sản phẩm về muối nhằm đáp ứng nhu cầu muối trong nước, hướng đến xuất khẩu muối và tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của nhân dân làm muối.

Với những kết quả, thành tích xuất sắc đã đạt được trong quá trình hình thành và phát triển, tập thể Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và các tập thể, cá nhân thuộc Cục qua các thời kỳ đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Lao động các hạng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng các thời kỳ và nhiều phần thưởng cao quý khác của các Bộ, ngành, địa phương.

Tự hào với truyền thống vẻ vang sau 20 năm xây dựng và trưởng thành (2003 - 2023), tập thể lãnh đạo, cán bộ, nhân viên Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT nguyện chung sức đồng lòng, tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, không ngừng đổi mới sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn thử thách, đón nhận những thời cơ vận hội mới, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng nền ***"Nông nghiệp sinh thái - bền vững, Nông thôn hiện đại - đáng sống, Nông dân chuyên nghiệp - văn minh".***

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC XÃ

Nguyễn Minh Đức

Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến những thành tựu của văn minh nhân loại, những tiến bộ mọi mặt mà loài người đã đạt được, trong đó có thành tựu về hợp tác xã. Tư tưởng về hợp tác xã đã được đề cập nhiều lần trong những tác phẩm của Hồ Chí Minh, trong đó riêng khái niệm hợp tác xã đã được đề cập đến 505 lần trong các bài nói, bài viết của Người.

Lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sử dụng khái niệm hợp tác xã là trong báo cáo gửi Ban Biên tập về hoạt động của báo Le Paria vào cuối năm 1922. Trong đó, Người trình bày dự định thành lập một hợp tác xã xuất bản. Tại phiên họp lần thứ 7 Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế nông dân 13/10/1923 và sau đó tại Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, Người đã trình bày về tình hình hợp tác xã ở Việt Nam và giải thích lý do tại sao ở Việt Nam người lao động chưa thành lập các hợp tác xã. Người viết: "Trước chiến tranh, Người An Nam có tổ chức vài hợp tác xã, nhưng chính quyền thực dân đã giải tán chúng, bắt giam những người tổ chức vì nghi là tuyên truyền cách mạng"[1]. Vấn đề hợp tác xã được Hồ Chí Minh trình bày một cách đầy đủ, dễ hiểu hơn khi Người soạn bài giảng cho lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu, Trung Quốc (những bài giảng này sau được tập hợp in thành cuốn sách Đường Kách mệnh xuất bản vào năm 1927). Trong tác phẩm Đường Kách mệnh, Người đưa ra khái niệm: "Hợp tác xã là "góp gạo thổi cơm chung cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ"[2]. Sau khi nêu ra những ví dụ cụ thể, đơn giản để giải thích khái niệm nói trên, Người viết: Tục ngữ An Nam có những câu: "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó, và một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy. Trong tác phẩm, Người cũng tổng kết sự phát triển hợp tác xã của các nước trên thế giới, từ hợp tác xã đầu tiên ra đời ở Anh năm 1761, do một số thợ dệt rủ nhau lập ra một cái hội "làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong hàng xóm", cho đến các tổ chức, hình thức hợp tác ở Nga, Pháp, Đức...

Sau khi giành được chính quyền về tay nhân dân từ cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thực hiện tư tưởng hợp tác xã vào thực tế Việt Nam. Trong Thư gửi điền chủ nông gia Việt Nam ngày 11/4/1946, Người viết: "Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông mong vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh. Nông dân muốn giàu, nông nghiệp muốn thịnh, thì cần phải có hợp tác xã. Nói tóm lại, hợp tác xã là hợp vốn, hợp sức với nhau. Vốn nhiều, sức mạnh, thì khó nhọc ít mà ích lợi nhiều"3. Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản chất của hợp tác xã là hợp sức, hợp vốn với nhau để có nhiều sức mạnh hơn và lao động sẽ mang lại hiệu quả tốt hơn. Mục đích của hợp tác xã được Người chỉ ra là để cải thiện đời sống nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh: "Hợp tác xã cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây"[4].

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Hợp tác xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (1954).
President Ho Chi Minh visiting Hung Son cooperative, Dai Tu district, Thai Nguyen province (1954).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh lợi ích của hợp tác xã nông nghiệp. Người viết: "Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức có lợi to cho nhà nông... một cách đấu tranh kinh tế có hiệu quả nhất, để giúp vào việc xây dựng nước nhà... là một cách làm cho nhà nông đoàn kết, làm cho nhà nông thịnh vượng... giúp cho nhà nông đạt đến mục đích, đã ích quốc lại lợi dân"[5]. Sau lời kêu gọi của Người, hàng loạt cơ sở kinh tế hợp tác, lúc đó chủ yếu là tổ đổi công, tổ vần công được hình thành, mở ra một thời kỳ mới phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, góp phần giải phóng nông dân thoát khỏi sự ràng buộc của các phương thức sản xuất phong kiến, đưa nông dân lên vị trí người làm chủ.

Sau khi miền Bắc giải phóng, phong trào tham gia các tổ đổi công và hợp tác xã đã phát triển mạnh. Trong diễn văn khai mạc Hội nghị lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, ngày 16/4/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp, nông thôn: "... Chúng ta phải hợp tác hóa nông nghiệp làm cho nông nghiệp phát triển, làm cho công nghiệp và nông nghiệp tiến đều, thì mới cải thiện tốt đời sống của nhân dân, đồng thời đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm nền tảng vững mạnh cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà"[6]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng phong trào tổ chức hợp tác xã đã tiến bước

khá tốt, nhưng nhiều nơi còn lệch lạc. Vì thế, Người yêu cầu phải tuyên truyền và giáo dục nông dân, làm cho phong trào phát triển vững chắc.

Ngày 14/6/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp đến dự và nói chuyện tại Hội nghị bàn việc củng cố và phát triển phong trào Hợp tác hóa nông nghiệp. Người đã phát biểu nhiều quan điểm chỉ đạo quan trọng về phong trào hợp tác xã nông nghiệp. Đầu bài nói, Người nhấn mạnh: "Đẩy mạnh sản xuất vụ mùa là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đối với việc củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp"[7], và "Vụ mùa đang bị hạn nặng. Nhiều nơi đang thiếu nước để gieo mạ và cày bừa. Mạ mới gieo được một nửa. Như thế là rất chậm. Cần ra sức chống hạn, làm công tác thủy lợi, gấp rút gieo mạ, đồng thời cày cấy kịp thời vụ"[8]. Đồng thời, Người cũng phê bình: "Nhiều nơi làm được phân bón tốt nhưng cũng có nhiều nơi làm chưa tốt; vì vậy, từ nay cần chú ý làm nhiều phân bón có chất lượng tốt. Việc cải tiến nông cụ chưa làm được bao nhiêu. Phải nhớ rằng có cải tiến nông cụ, thì nông dân làm lụng mới đỡ vất vả, đỡ tốn công sức"[9]. Cuối bài nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn dò: "Muốn làm vụ mùa cho tốt, phải dựa vào lực lượng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nơi nào, hợp tác xã nào sản xuất khá là do cán bộ lãnh đạo khá. Vụ mùa năm nay, cán bộ các cấp phải hết sức chú ý lãnh đạo các hợp tác xã sản xuất cho tốt để làm gương cho những bà con chưa vào hợp tác xã"[10].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bất kì công việc gì thiếu cán bộ thì khó thực hiện được. Muốn thúc đẩy phong trào hợp tác xã thì trước hết cần phải lựa chọn, đào tạo cán bộ chuyên về hợp tác xã. Người nêu ý kiến: "Chính phủ nên mở ở các tỉnh những lớp huấn luyện cán bộ chuyên về hợp tác xã. Mỗi làng sẽ cử một hai người theo học lớp đó. Chương trình học, ngoài những thường thức về hợp tác xã, lại dạy cả những điều giản dị trong khoa kế toán và cách thức làm sổ sách... Học xong những người cán bộ đó về làng sẽ là những cái loa truyền bá lý tưởng hợp tác xã. Đồng thời, họ lại là những người giúp việc đắc lực cho dân chúng trong công cuộc vận động mở hợp tác xã"[11].

Ngày 11/4/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Đại hội hợp tác xã và đội sản xuất nông nghiệp tiên tiến miền núi và trung du. Trong thư, Người dặn dò: "Ra sức củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Hiện nay ở vùng núi và trung du mới có gần 30% hợp tác xã. Chúng ta phải phấn đấu làm cho cho các hợp tác xã khác đều khá"[12]. Đồng thời, Người yêu cầu các hợp tác xã cần có phương hướng sản xuất trên mọi lĩnh vực: Lúa màu, cây công nghiệp, chăn nuôi, bảo vệ rừng. Để làm tốt việc này, "Hợp tác xã phải được củng cố, tức là làm cho xã viên có tinh thần làm chủ, làm cho ban quản trị được vững vàng và có năng lực, phải thực hành dân chủ, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, phải đoàn kết chặt chẽ trong hợp tác xã, làm tốt công tác cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và không ngừng nâng cao trình độ chính trị và văn hóa cho cán bộ và xã viên"[13].

Từ sau năm 1960 là thời kỳ các hợp tác xã được phát triển mạnh mẽ và đồng bộ. Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng về hợp tác xã, về kinh tế tập thể được tổ chức thực hiện rộng khắp cả nước. Thời gian này, dù bận nhiều việc nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn có nhiều chuyến đi thăm bà con nông dân, thăm các hợp tác xã nông nghiệp của nhiều địa phương. Đến với địa phương nào Người cũng chia sẻ, dặn dò các cách cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất. Hợp tác xã nào có thành tích đều được Người gửi thư khen ngợi, động viên. Hợp tác xã Đại Phong ở Quảng Bình lúc đó là một điển hình để cả nước "Thi đua học tập tiến kịp và vượt Đại Phong". Dưới bút danh T.L, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài "Một hợp tác xã gương mẫu", khẳng định và khen ngợi "phong trào Đại Phong". Đầu Xuân năm 1962, Bác Hồ gửi Thư chúc Tết đồng bào cả nước, trong đó có hai câu:

"Chúc miền Bắc thi đua phấn khởi

Bốn mùa hoa Duyên Hải, Đại Phong"[14].

Những năm tháng cuối đời, tuy sức khỏe đã yếu nhưng

Người vẫn sắp xếp thời gian để làm việc với các đồng chí phụ trách nông nghiệp. Trong các buổi họp Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thường nhắc đến việc phải có Điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao. Nhưng do điều kiện chiến tranh ác liệt, có nhiều vấn đề quan trọng cần giải quyết trước, nên việc ban hành Điều lệ mới chưa thực hiện được. Cuối năm 1968, Người đã có buổi làm việc với cán bộ phụ trách Ban nông nghiệp để ra cho được Điều lệ sản xuất nông nghiệp bậc cao. Người dặn dò: Cần viết bản Điều lệ sao cho nông dân ít học nhất cũng hiểu được. Sau đó, cuốn Điều lệ tóm tắt của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được ra đời, sách in lần đầu với số lượng 3.500 cuốn. Sách in xong đúng dịp sinh nhật lần thứ 79 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuốn Điều lệ tóm tắt của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có 10 chương, quy định rõ tính chất và nhiệm vụ của hợp tác xã nông nghiệp; nhiệm vụ và quyền lợi của xã viên,...

Cho đến nay, những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hợp tác xã vẫn giữ nguyên giá trị. Trải qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền nông nghiệp nước ta đã đạt nhiều thành tựu lớn, nhất là giải quyết được vấn đề an ninh lương thực. Từ một nước luôn thiếu lương thực, Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Các ngành nuôi trồng thuỷ hải sản, cây công nghiệp phát triển mạnh và mang lại nguồn thu lớn cho các hộ nông dân và đất nước. Tuy nhiên, nhìn lại một cách nghiêm túc thì trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp ở nước ta chưa tiên tiến so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Hàm lượng chất xám trong các sản phẩm nông nghiệp còn ít và thường là sản phẩm thô, sức cạnh tranh chưa cao. Trong khi đó, các hộ nông dân luôn phải đối mặt với thiên tai, dịch bệnh, phải lo tìm nguồn vốn để sản xuất cũng như tìm đầu ra cho sản phẩm. Tình hình này có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân quan trọng hàng đầu là do còn ít hộ nông dân liên kết, hợp tác với nhau trong sản xuất, năng lực của các hộ nông dân còn chưa được tập trung lại. Nói cách khác, muốn nông nghiệp phát triển vững mạnh, đời sống của các gia đình nông dân ngày càng cải thiện và sung túc, thì cần củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều người dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã...

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập1, tr.231.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.343.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.246.
4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.343.
5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.215.
6. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.162.
7, 8, 9. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.595.
10. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.596.
11. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.260.
12. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 14, tr.294.
13. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 14, tr.295.
14. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.335.

Đổi mới toàn diện chính sách hỗ trợ để các HTX tăng cường liên kết, tự lực, tự cường vươn lên

Quyết Tuấn (TH)

Ngày 02/02/2024, tại Hà Nội đã diễn ra Diễn đàn kinh tế hợp tác, HTX năm 2024 với chủ đề "Hoàn thiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Nghị quyết số 20-/NQ/TW ngày 16/6/2022 - Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới".

Tại Diễn đàn, sau khi nghe các đại biểu báo cáo, trao đổi, thảo luận, chia sẻ với tinh thần thẳng thắn, trách nhiệm, tập trung vào phân tích thực trạng phát triển của khu vực KTTT, HTX; hiến kế các giải pháp đột phá để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là về thu hút nguồn lực xã hội; tăng cường liên kết giữa các thành viên tham gia KTTT, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, giữa công và tư…, đề xuất các chính sách hỗ trợ cho khu vực KTTT, HTX số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức. Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu xây dựng các chính sách hỗ trợ theo hướng đổi mới toàn diện, trong đó có cơ chế đặc thù trong huy động và sử dụng ngân sách hỗ trợ. Từ đó, tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tự lực, tự cường, bắt kịp, tiến cùng và vươn lên với các khu vực, thành phần kinh tế khác, phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, toàn diện.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá trong những năm qua, KTTT, HTX đã có nhiều bước phát triển và đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Theo đó, phát biểu tại Diễn đàn, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan cho biết Bộ đang triển khai Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn 14 tỉnh trải dài từ Bắc vào Nam với 05 vùng nguyên liệu hàng hóa lớn (bao gồm: Sơn La, Hòa Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An và Sóc Trăng) với tổng diện tích gần 167.000 ha, trong đó có 250 HTX (tại thời điểm ban đầu thực hiện Đề án đầu năm 2022) và khoảng 186.000 hộ nông dân hưởng lợi trực tiếp.

Riêng trong năm 2022, tại 13 tỉnh vùng nguyên liệu, các địa phương đã hỗ trợ thành lập

mới được 70 HTX nông nghiệp và 01 Liên hiệp HTX, nâng tổng số HTX nông nghiệp trong các vùng nguyên liệu tại 13 tỉnh hiện nay là 320 HTX. Các HTX nông nghiệp trong vùng nguyên liệu thuộc Đề án được Bộ và các địa phương tập trung đào tạo, tập huấn, hỗ trợ củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động, gắn với các chuỗi liên kết.

Ngoài ra, hiện Bộ đang xây dựng Đề án phát triển 1 triệu ha lúa chất lượng cao vùng ĐBSCL, trong đó tập trung hỗ trợ cho 937 HTX tham gia chuỗi lúa gạo trong vùng. Bộ cũng đang chỉ đạo hỗ trợ phát triển các trung tâm logistics kết nối liên vùng nhằm thúc đẩy các chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa nông sản tại 05 vùng nguyên liệu Bộ đang thực hiện.

Đại diện HTX Nông nghiệp Thới Thạnh (Bến Tre) cho biết đã thiết lập mối liên kết bền vững với Công ty TNHH Chế biến dừa Lương Quới để xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu dừa hữu cơ đến nay d iện tích đạt gần 150 ha. Hoạt động sơ chế dừa hàng ngày của HTX đã tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho hơn 40 thành viên trong HTX với thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng.

Canh tác dừa hữu cơ đã mang lại lợi nhuận trực tiếp cho thành viên từ 15% đến 20% so với canh tác thông thường. Ước tính tổng lợi nhuận trực tiếp từ canh tác dừa hữu cơ của thành viên HTX khoảng 750 triệu đồng/năm và tổng doanh thu năm 2022 là 11,2 tỷ đồng và lợi nhuận từ dịch vụ là 92,1 triệu đồng.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan phát biểu
Ảnh: VGP/Nhật Bắc

HTX đã áp dụng, ứng dụng quy trình kỹ thuật nuôi tôm càng xanh toàn đực trong vườn dừa hữu cơ cho nhóm thành viên HTX gồm 32 hộ với 16 ha, tạo doanh thu, thu từ nuôi tôm càng xanh toàn đực đạt 4,5 tấn/năm.

Tại Cần Thơ, HTX Khiết Tâm với trên 340 ha lúa đã ký kết hợp đồng sản xuất hàng trăm tấn lúa giống cho: Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Công ty giống cây trồng Thái Bình và Tập đoàn Lộc Trời, với giá cao hơn khoảng 500 đồng - 700 đồng/kg. HTX đã chính thức được công nhận sản xuất "lúa, gạo" đạt tiêu chuẩn GlobalGAP, tức là có thể sản xuất được giống lúa chất lượng theo tiêu chuẩn của các thị trường khó tính.

Đã đồng bộ các cơ sở pháp lý

Kết luận Hội nghị, Thủ tướng Phạm Minh Chính giao Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu những ý kiến xác đáng; sớm hoàn thiện, trình ban hành văn bản phù hợp để sau Diễn đàn có sự chuyển biến cả về nhận thức và hành động một cách thiết thực, hiệu quả, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của khu vực KTTT, HTX tại Việt Nam.

Về cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý của phát triển KTTT, HTX đến nay đã tương đối đầy đủ, Thủ tướng nêu rõ, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định: "KTTT phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó

HTX là nòng cốt", "kinh tế nhà nước cùng với KTTT ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân".

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT xác định mục tiêu "đưa KTTT thoát khỏi những yếu kém, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỉ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh tế" và đề ra 5 nhiệm vụ chủ yếu. Trong đó, sửa đổi, bổ sung 6 cơ chế, chính sách hỗ trợ KTTT phát triển (về cán bộ và nguồn nhân lực; đất đai; tài chính - tín dụng; khoa học - công nghệ; tiếp thị và mở rộng thị trường; phát triển cơ sở hạ tầng).

Kết luận số 70/KL-TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của KTTT trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định rõ phát triển KTTT, HTX là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030 xác định "Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của các thành viên, nâng cao khả năng huy động nguồn lực".

Nghị quyết số 20-NQ/TW khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới nêu rõ quan điểm: "KTTT là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân".

Quốc hội đã ban hành Luật HTX vào các năm 1996, 2003, 2012 và 2023. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, trong đó có Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW khóa XIII với 48 đề án, nhiệm vụ chủ yếu (xác định rõ cơ quan chủ trì, sản phẩm hoàn thành và lộ trình).

Một số kết quả nổi bật

Về kết quả đạt được, Thủ tướng đánh giá trong những năm qua, KTTT, HTX đã có nhiều bước phát triển và đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ.

Thứ nhất, đã có sự thống nhất chung trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX thể hiện qua các nghị quyết, kết luận, chiến lược, kế hoạch, văn bản chỉ đạo đồng bộ, thống nhất, từ đó nhận thức chung trong xã hội về phát triển KTTT, HTX đã được nâng lên.

Thứ hai, thể chế, cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển được rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp với từng thời kỳ, với nhu cầu hỗ trợ, trình độ phát triển của HTX và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Trong đó, có các chính sách hỗ trợ riêng và nội dung lồng ghép vào các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ phát triển của các ngành, lĩnh vực, qua đó huy động nguồn lực và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị.

Luật HTX năm 2023 vừa được Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 với 12 Chương, 115 Điều, trong đó có nhiều điểm mới.

Khu vực KTTT, HTX được hỗ trợ về nhiều mặt (đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; chuyển giao công nghệ; tiếp cận vốn; đầu tư kết cấu hạ tầng...). Giai đoạn 2013-2022, có khoảng 2.600 HTX nông nghiệp được hỗ trợ về phát triển kết cấu hạ tầng với kinh phí là hơn 2.800 tỷ đồng. Trong năm 2023, có 11 tỉnh, thành phố triển khai hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp từ nhiều nguồn khác nhau với tổng kinh phí 250,1 tỷ đồng. Ngoài ra, Bộ NN&PTNT đang thực hiện 01 dự án đầu tư kết cấu hạ tầng cho các HTX với tổng mức đầu tư 440 tỷ đồng.

Thứ ba, khu vực KTTT đã khắc phục được một phần tình trạng yếu kém kéo dài, từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường, bước đầu khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và sự phát triển kinh tế của thành viên.

Các HTX đã cơ bản chuyển đổi mô hình từ HTX kiểu cũ kém hiệu quả sang mô hình HTX kiểu mới, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tính liên kết giữa các thành viên trong tổ chức KTTT, HTX được tăng cường, cùng nhau hợp sức, góp vốn, chia sẻ nguồn lực, lợi ích, kinh nghiệm, tạo mối liên kết giữa các thành viên theo hướng cộng đồng, tương trợ để cùng phát triển. Đồng thời, hợp tác giữa thành phần KTTT với các thành phần kinh tế khác được mở rộng.

Thứ tư, khu vực KTTT, HTX vừa đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, vừa đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế hộ thành viên. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, khu vực KTTT, HTX đóng góp gần 4% GDP. Ở nhiều địa phương như Thái Nguyên, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau..., HTX đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Ngoài ra, khu vực KTTT, HTX còn đem lại giá trị gia tăng cho kinh tế hộ thành viên, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế cá thể, hộ gia đình - hiện đang chiếm 30% GDP cả nước.

Thứ năm, các sản phẩm của các HTX ngày càng đa dạng, phong phú, trong đó nhiều sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường. Trong Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, cả nước có trên 5.300 chủ thể, trong đó có 38,1% là từ các HTX.

Thứ sáu, khu vực KTTT, HTX góp phần tích cực trong việc tạo việc làm, sinh kế, cải thiện thu nhập cho người dân, qua đó xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội tại địa phương.

Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng đánh giá cao, biểu dương những nỗ lực, cố gắng và chúc mừng những kết quả đáng ghi nhận mà khu vực KTTT, HTX đã đạt được thời gian qua; đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng, ngày càng chủ động của khu vực KTTT, HTX; biểu dương Bộ Kế hoạch và Đầu tư với vai trò giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về HTX, cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh HTX Việt Nam là những cơ quan nòng cốt trong phát triển KTTT, HTX.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được vẫn khiêm tốn, chưa tương xứng so với không gian, dư địa phát triển, chủ trương, đường lối của Đảng và khung khổ pháp luật.

Về tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, khu vực KTTT, HTX phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu, đòi hỏi. Tốc độ phát triển của khu vực này chỉ bằng một nửa tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tỉ trọng của khu vực kinh tế KTTT, HTX trong GDP của đất nước đang có xu hướng giảm qua các năm (đóng góp vào GDP của khu vực KTTT, HTX từ năm 2001-2020 từ 8,06% xuống còn 3,62%)

Năng lực sản xuất kinh doanh còn yếu, manh mún. Chưa có nhiều HTX thật sự hiệu quả, có khả năng lan tỏa. Trình độ cán bộ quản lý HTX chưa cao. Đến năm 2023, số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ sơ, trung cấp mới chiếm gần 36%, trình độ cao đẳng, đại học chỉ chiếm 23%.

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho KTTT tuy nhiều nhưng dàn trải, phân tán, chủ yếu là lồng ghép, thiếu tập trung, chưa thống nhất, thiếu nguồn lực, thậm chí không khả thi. Chưa được bố trí nguồn riêng từ ngân sách nhà nước mà lồng ghép vào nhiều chương trình nên nguồn lực hạn hẹp. Các chính sách về đất đai, tín dụng, hỗ trợ xây dựng hạ tầng… ít được thực hiện; tiếp cận tín dụng còn khó khăn.

Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường ở mức rất thấp. Trong giai đoạn từ năm 2013-2021, chỉ có 2.600 HTX nông nghiệp được hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ với số tiền khoảng 255 tỷ đồng.

Những giải pháp đột phá

Sau khi phân tích nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nói trên, cùng bối cảnh, tình hình sắp tới trong nước và thế giới, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho rằng KTTT, HTX phải nhận thức rõ, tự chủ động thoát khỏi những rào cản và vướng mắc mang tính cố hữu để tự

lực, tự cường vươn lên từ bàn tay, khối óc, khung trời, mảnh đất của mình, không trông chờ, ỷ lại; chuyển biến mạnh mẽ về cả tư duy và hành động theo hướng ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ hiện đại, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ; phát triển cả về số lượng và chất lượng các thành viên, lực lượng lao động tham gia; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng năng suất lao động, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất.

Về các mục tiêu, Nghị quyết số 20-NQ/TW đã xác định rõ: Đến năm 2030 sẽ có 45.000 HTX với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp HTX với 1.700 HTX thành viên. Bảo đảm trên 60% tổ chức KTTT đạt loại tốt, khá, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Đến năm 2045, bảo đảm trên 90% tổ chức KTTT hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết.

Thủ tướng đánh giá trong những năm qua, KTTT, HTX đã có nhiều bước phát triển và đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ - Ảnh: VGP

Về quan điểm chỉ đạo, Thủ tướng yêu cầu quán triệt, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII để "Phát triển KTTT cả về số lượng và chất lượng...; có chính sách ưu tiên cho các tổ chức KTTT trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các tổ chức KTTT gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức".

Phát triển KTTT, HTX là yêu cầu thực tiễn khách quan của sự phát triển, không thể không làm, không thể đứng ngoài cuộc; do đó, chúng ta phải đổi mới tư duy, bắt đầu từ nhận thức; có tầm nhìn xa, tổng thể; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động mọi nguồn lực, tạo động lực theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vươn lên với các khu vực, thành phần kinh tế khác.

Phát triển KTTT, HTX trong giai đoạn mới là một quá trình diễn ra không ngừng nghỉ, không có điểm dừng, đòi hỏi tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, tránh tư tưởng hình thức, nói không đi đôi với làm; làm phải có trọng tâm, trọng điểm, dễ làm trước, khó làm sau, đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp để đem lại những kết quả thiết thực.

Chuyển đổi mô hình KTTT, HTX một cách linh hoạt, phù hợp đạt hiệu quả cao, tiết giảm chi phí, tối ưu nguồn lực đòi hỏi sự tham gia, chung sức của cả hệ thống chính trị, các HTX và người dân.

Bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo; đối với những vấn đề "đã chín, đã rõ", được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện, tiếp tục phát huy; những vấn đề chưa rõ, còn ý kiến khác nhau, chưa có quy định hoặc vượt quy định thì mạnh dạn đổi mới, làm thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

Thủ tướng nêu rõ, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược để thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển, trong đó có KTTT, HTX. Thủ tướng cho rằng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của KTTT, HTX là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ chính trị và thường xuyên của các cấp, các ngành, các địa phương. Do đó, phải dành sự lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế, chính sách, bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện phù hợp. Mặt khác, HTX có thể thành lập công ty, HTX có thể hình thành trên tất cả các lĩnh vực chứ không chỉ trong nông nghiệp hay vận tải.

Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã chỉ rõ những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Thủ tướng yêu cầu sớm xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn Luật HTX năm 2023, đồng bộ và thống nhất về thời gian áp dụng với Luật HTX 2023.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định, ban hành 01 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật HTX; tích cực hoàn thiện Chương trình tổng thể về phát triển KTTT giai đoạn 2026-2030.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, hoàn thiện các quy định đối với hoạt động cho vay nội bộ trong HTX, liên hiệp HTX tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật HTX (sửa đổi) nhằm hỗ trợ người lao động, thành viên HTX, góp phần xóa bỏ "tín dụng đen" ở nông thôn; nghiên cứu báo cáo Thủ tướng Chính phủ về gói tín dụng dành riêng cho khu vực KTTT.

Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn chế độ kế toán HTX, liên hiệp HTX phù hợp; hoàn thiện các quy định về thuế phí trong đó ưu tiên hỗ trợ phù hợp cho đối tượng HTX.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện các chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp phù hợp với quy định của Luật HTX (sửa đổi) và theo định hướng của Chính phủ tại Nghị quyết số 106/NQ-CP về phát triển HTX nông nghiệp trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024, trong đó phải cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ đất đai cho HTX theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW và Luật HTX (sửa đổi).

Thứ hai, xây dựng các chính sách hỗ trợ KTTT, HTX phải đổi mới toàn diện theo hướng bảo đảm yêu cầu đơn giản, thông thoáng và công khai, minh bạch, thiết thực, hiệu quả và có tính kế thừa, chuyển tiếp; tránh những xáo trộn, gây khó khăn; các hỗ trợ phải theo hướng tiếp cận các nguyên tắc thị trường, bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các HTX và tạo cơ hội, động lực cho các HTX tự lực vươn lên.

Các tỉnh, thành phố đã ban hành chính sách đặc thù và các HTX đang thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo Luật HTX năm 2012 thì tiếp tục thực hiện đến hết thời gian áp dụng theo quy định.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù trong huy động và sử dụng ngân sách hỗ trợ HTX và bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu cơ chế giao vốn đầu tư phát triển thực hiện các dự án hỗ trợ hạ tầng HTX theo hướng giao thành khoản mục riêng để tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương phân bổ và tập trung nguồn lực cho phát triển KTTT, HTX.

Bộ Tài chính cân đối nguồn lực để thực hiện chính sách hỗ trợ HTX theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW, nhất là những chính sách thuộc trách nhiệm bảo đảm của ngân sách Trung ương.

Thứ tư, tăng cường hơn nữa vai trò của Diễn đàn kinh tế HTX trong việc thúc đẩy kết nối, hợp tác giữa các HTX với nhau, giữa HTX với các thành phần kinh tế khác và với các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học.

Thứ năm, nâng cao vai trò của các tổ chức đại diện, nòng cốt là Liên minh HTX Việt Nam các cấp, nhất là trong việc tuyên truyền, phản biện chính sách; làm cầu nối triển khai và tăng khả năng tiếp cận chính sách; tư vấn, hỗ trợ cho các HTX.

Liên minh HTX Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương trong việc thực hiện vai trò, sứ mệnh của mình trong phát triển KTTT, HTX.

Phát huy hiệu quả hơn nữa các quỹ hỗ trợ phát triển HTX; đồng thời huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội để thúc đẩy khu vực KTTT, HTX phát triển nhanh, bền vững.

Thứ sáu, xây dựng, phát triển HTX trên tinh thần đoàn kết, đồng lòng và hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục tiêu chung của thành viên và của HTX. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý HTX được đào tạo bài bản, có kiến thức về kinh tế, tài chính, kinh doanh và các kỹ năng cơ bản khác.

Thứ bảy, các bộ ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức để khu vực KTTT, HTX phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm.

Thứ tám, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường thông tin, tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng và các đóng góp của KTTT, HTX, đồng thời đẩy mạnh hướng dẫn chính sách, hướng dẫn các kỹ năng và triển khai các chủ đề phù hợp khác.

Tính đến năm 2023, cả nước có hơn 31.700 HTX, 158 liên hiệp HTX và 73.000 tổ hợp tác. Năm 2022, doanh thu bình quân của các HTX đạt gần 3,6 tỷ đồng/năm, tăng 35% so với năm 2021; lãi bình quân khoảng 366 triệu đồng/năm, tăng 71% so với năm 2021; thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong HTX năm 2022 là 56 triệu đồng/người/năm…Trong 20 năm qua, hành lang pháp lý chung và các cơ chế, chính sách hỗ trợ KTTT đã được quan tâm xây dựng, hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Trong đó có các chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại; ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ; hỗ trợ về đầu tư phát triển hạ tầng; chính sách giao đất, cho thuê đất; chính sách về tín dụng; hỗ trợ chế biến sản phẩm…Theo thống kê giai đoạn 2021-2023, 71,3% các HTX thành lập mới có các sáng lập viên trẻ (độ tuổi từ 27-40), nhiệt huyết, có kiến thức, trình độ về các lĩnh vực khởi nghiệp, mạnh dạn và sáng tạo trong tiếp cận công nghệ, nguồn lực (nhân lực, vốn, tín dụng,...) để đầu tư thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát triển một số loại hình dịch vụ, thương mại mới, đáp ứng yêu cầu, năng lực, sở trường của thành viên, phù hợp với nhu cầu thị trường và góp phần phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Tiêu biểu như HTX nông nghiệp thương mại dịch vụ Long Thới Thịnh (Tiền Giang), HTX nông nghiệp dịch vụ Quảng Đức (Phú Yên); HTX dịch vụ tổng hợp Thắng Lợi (Yên Bái).

LÀNG NGHỀ TĂM HƯƠ

TRUYỀN THỐNG

HTX LÀ ĐIỂM TỰA CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP CẦN PHẢI HỖ TRỢ ĐỂ PHÁT TRIỂN NHANH, MẠNH VÀ BỀN VỮNG

Xuân Nguyên

Trong những năm qua, tên cương vị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, đồng chí Lê Minh Hoan luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các hoạt động của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, nhất là công tác chỉ đạo phát triển HTX. Dưới đây là một số trao đổi của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Minh Hoan về HTX trên một số diễn đàn.

HTX là điểm tựa của nền nông nghiệp

Trao đổi với báo chí ngay sau khi Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Hợp tác xã (sửa đổi), Bộ trưởng Lê Minh Hoan đánh giá HTX là điểm tựa của nền nông nghiệp, tuy nhiên, đôi lúc, ở nhiều nơi, chưa hiểu hết được vai trò, tầm quan trọng, bản chất, mục tiêu của HTX đối với phát triển nông nghiệp.

Theo Bộ trưởng, ngành nông nghiệp bao năm nay chịu "lời nguyền" manh mún, nhỏ lẻ, quy mô hộ không lớn. Mà khi quy mô sản xuất quá nhỏ thì khó làm hàng hóa lớn, khó có thể áp dụng tiến bộ kỹ thuật. Manh mún, nhỏ lẻ, tự phát cũng là điểm nghẽn lớn đeo bám ngành nông nghiệp trong nhiều năm. Muốn sản xuất lớn bắt buộc phải tích tụ đất đai, liên kết, tập hợp những người làm nông lại, chỉ khi người nông dân bắt tay hợp tác, đất đai mới được tập trung.

Do vậy, Bộ trưởng cho rằng, HTX là một trong những giải pháp quan trọng để tập trung đất đai với quy mô lớn, từ đó xây dựng các vùng nguyên liệu, vùng chuyên canh, sản xuất theo quy trình đồng bộ, thống nhất, tạo ra những sản phẩm đồng đều về chất lượng, mẫu mã.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển của HTX

Thực tế, thời gian qua, do nhiều lý do, thể chế cũng có, tập quán cũng có, có những địa phương chưa nhìn thấy lợi ích, mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của HTX như một cứu cánh để chuyển từ nền nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ sang quy mô lớn, từ đó cấu trúc lại ngành hàng dựa trên sự hợp tác của những người sản xuất thông qua đại diện HTX.

Trên cùng một diện tích đó nếu chỉ có một người nông dân sản xuất kết quả sẽ rất khác với nhiều người nông dân liên kết lại với nhau. Rõ ràng, đất đai không thể nở ra nhưng khi tư duy của người nông dân thay đổi, biết liên kết, phá bỏ bớt bờ vùng bờ thửa thì không gian sản xuất sẽ mở ra rộng lớn, sẽ mang lại những thay đổi lớn lao.

Không gian sản xuất rộng, cho phép bà con dễ dàng ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tạo thành chuỗi ngành hàng, từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến và đưa ra thị trường. Một hộ khó có thể làm được một chuỗi ngành hàng hoàn hảo nhưng nhiều hộ sẽ làm được, sẽ tạo ra giá trị gia tăng. Không những thế, trên tinh thần mua chung, một người đi mua giá cao hơn so với nhiều người mua, từ đó giúp chi phí đầu vào giảm.

Có một thực tế, nhiều mặt hàng nông sản khi đàm phán được thị trường thì lại không có hàng hóa đạt chuẩn, thiếu số lượng, thậm chí có lúc bị đứt gãy do yếu tố mùa vụ. Nguyên nhân là do sản xuất riêng rẽ, HTX sẽ giúp tổ chức lại ngành hàng. Khi HTX lớn hơn sẽ hoạt động đúng bản chất hơn và để có được điều này, bên cạnh việc đưa Luật HTX vào cuộc sống, quan trọng hơn là sự theo dõi, hỗ trợ xuyên suốt của các cấp lãnh đạo, của địa phương.

Tư duy liên kết ngày càng được cải thiện

Bộ trưởng cho biết thêm, trong thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tập trung một số chương trình, đề án để thúc đẩy phát triển HTX. Bộ trưởng Lê Minh Hoan cho biết "muốn HTX phát triển, trước hết, phải để người ta hiểu được năng lực, bản chất HTX. Bản chất của HTX là tận dụng lợi thế số đông để mua giá tốt hơn, bán được giá hơn. Dựa vào số đông để cơ giới hóa, tự động hóa, thay đổi quy trình canh tác, để cải thiện năng suất, chất lượng". Việt Nam còn đang tiếp cận, tiến tới phát triển nền nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, 1 hộ không thể làm được điều này. Bởi vậy phải tiến tới HTX là một cấu trúc kinh tế để hợp tác người nông dân, nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích khi chuyển từ kinh tế hộ sang kinh tế hợp tác. Đồng thời, cần phân nhóm HTX để thúc đẩy kết hợp với doanh nghiệp, khi doanh nghiệp liên kết với HTX sẽ tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, logistics cho HTX.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang có đề án thành lập Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tại thành phố Cần Thơ, với 5 nhiệm vụ trọng tâm: khai thông các luồng vận tải hàng hóa (đường thủy, bộ, hàng không và biển); thông quan bằng việc xây dựng theo mô hình cảng cạn kiểm hóa hiện đại ICD Cần Thơ, các kho ngoại quan, khu phi thuế quan; xử lý và bảo quản nông sản thông qua các giải pháp bảo quản an toàn, xây dựng và bố trí các kho lạnh; thúc đẩy phát triển cộng đồng doanh nghiệp ĐBSCL; quảng bá, tiếp thị, xây dựng thương hiệu nông sản ĐBSCL.

Trung tâm nhằm mục tiêu thúc đẩy hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp toàn vùng ĐBSCL lên tầm cao mới, hướng tới một nền kinh tế nông nghiệp phát triển, hiện đại, xuyên suốt từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu. Khi đó, các HTX sẽ là mạng lưới cung cấp nguyên liệu đủ lớn, đảm bảo chất lượng phục vụ chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

Bộ NNPTNT cũng đã xây dựng "Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025" nhằm thí điểm phát triển 5 vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; thí điểm cơ chế, cách làm trên địa bàn 13 tỉnh trải dài từ Bắc vào Nam với các sản phẩm chủ lực như: cây ăn quả, lúa gạo, cà phê, rừng trồng gỗ lớn giai đoạn 2022-2025.

Trong quá trình thực hiện đề án, Bộ NNPTNT cũng xác định, HTX sẽ đóng vai trò trọng tâm để hình thành các vùng

nguyên liệu với mục tiêu hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân liên kết trong các vùng nguyên liệu, từ đó giảm chi phí đầu vào sản xuất từ 5-10% cho các thành viên HTX và người nông dân; giảm tổn thất sau thu hoạch 5-10% số nguyên liệu và tăng giá từ 10-20%. Qua đó, tăng thu nhập 5-10% cho thành viên HTX và người nông dân.

Tăng cường năng lực cho ít nhất 250 HTX nông nghiệp trong các vùng nguyên liệu, giúp nâng cao khả năng điều hành và tổ chức sản xuất của các HTX, thay đổi những tập quán sản xuất mang tính manh mún, nhỏ lẻ của người nông dân, từ đó phát triển kinh tế tập thể và nâng cao giá trị của chuỗi nông sản.

Bộ NNPTNT cũng đã xây dựng Đề án sản xuất 1 triệu hecta lúa chất lượng cao gắn với phát triển HTX, gắn HTX với doanh nghiệp để nâng cao giá trị ngành hàng lúa gạo. Có thể thấy, trong các đề án, chương trình, dự án của Bộ NNPTNT, vai trò của HTX luôn được coi trọng, coi đó là nhân tố quan trọng để thực hiện thành công.

Theo Bộ trưởng Lê Minh Hoan, tư duy liên kết hiện nay của nông dân đã có bước chuyển rất mạnh nhờ các hoạt động tuyên truyền, vận động, tôn vinh của các ban ngành, đoàn thể, các địa phương. Bà con đã không muốn đi một mình mà muốn hợp tác và hợp sức, hợp vốn lại, thể hiện qua con số thành viên của các HTX nông nghiệp ngày càng tăng, hiện đạt 3,8 triệu thành viên.

Bộ trưởng cho biết đây là hiệu ứng tốt, thể hiện rõ việc hợp tác không chỉ trên phân chia lợi ích mà còn là niềm tin của thành viên với lãnh đạo HTX. Bộ trưởng nhấn mạnh: Các giám đốc HTX phải như thủ lĩnh, định ra chiến lược dài hạn, để bà con thấy vào HTX không chỉ lợi một vụ mà còn lợi cả những vụ sau, vào HTX là yên tâm đã có doanh nghiệp thu mua sản phẩm, phân phối vật tư.

Tiếp tục hỗ trợ HTX trong lĩnh vực nông nghiệp phát triển

Tham luận tại Diễn đàn kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2024 với chủ đề "Hoàn thiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Nghị quyết số 20-/NQ/TW ngày 16/6/2022-Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới" diễn ra vào sáng ngày 02/02/2024, Bộ trưởng Bộ NNPTNT Lê Minh Hoan đánh giá, khu vực kinh tế tập thể, trong đó có hợp tác xã (HTX), đã xây dựng nhiều mô hình kinh tế hiệu quả, ứng dụng nông nghiệp thông minh, số hóa, cơ giới hóa, đẩy mạnh liên kết sản xuất, giúp giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận, nâng cao thu nhập, cải thiện phúc lợi cho thành viên hợp tác xã và cư dân nông thôn.

Nhắc lời Thủ tướng Phạm Minh Chính trong chuyến khảo sát mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất lúa của HTX Dịch vụ nông nghiệp Thắng Lợi, tỉnh Đồng Tháp: "HTX đi đúng hướng, góp phần xây dựng nông thôn hiện đại, công nghiệp hóa nông thôn", Bộ trưởng cho biết, Bộ NNPTNT thời gian qua đã tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai 4 nhóm chính sách phát triển kinh tế hợp tác, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

Một là, hỗ trợ phát triển đa dạng các mô hình tổ chức, quản trị hợp tác xã, phù hợp với đặc trưng từng vùng miền, ngành hàng sản phẩm.

Hai là, đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, quản trị, nhất là đào tạo nghề giám đốc HTX và đào tạo đội ngũ trẻ làm việc trong HTX. Bộ NNPTNT cũng chuẩn hóa hệ thống tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo như tiêu chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình, học liệu điện tử... tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo.

Ba là, phát triển HTX gắn với vùng nguyên liệu. Bộ NNPTNT đang triển khai Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên địa bàn 14 địa phương, trải dài từ Bắc vào Nam, với 5 vùng nguyên liệu hàng hóa lớn, gồm trái cây, lúa gạo, cà phê, tôm.

Ngoài ra, khoảng 1.000 HTX tham gia chuỗi lúa gạo trong vùng Đề án phát triển 1 triệu ha lúa chất lượng cao, giảm phát thải vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng sẽ được hưởng lợi từ các chương trình, kế hoạch của Bộ NNPTNT.

Bốn là, đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển các dịch vụ logistic hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp.

"HTX không chỉ là một mô hình kinh tế đơn thuần, không chỉ là một phong trào có tính thời điểm. Hơn hết, HTX là hành trình đổi mới tư duy bền bỉ, không ngừng, là triết lý cấp tiến của nhân loại về giá trị của liên kết, hợp tác", Bộ trưởng Lê Minh Hoan bày tỏ.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan tại một sự kiện của ngành Nông nghiệp Hà Nội

Bộ trưởng Lê Minh Hoan cũng đề nghị các Bộ, ngành Trung ương và địa phương quan tâm hơn nữa vào các nhóm chính sách. Đầu tiên là chính sách đất đai. Cụ thể: Đưa ra những giải pháp khả thi, linh hoạt về tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất kinh doanh để hình thành vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn; Hỗ trợ, hướng dẫn chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất xây dựng hạ tầng (kho tàng, nhà xưởng, cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản); Thí điểm hình thành thị trường cho thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Nhóm chính sách thứ hai là về thuế, phí và lệ phí. Bộ trưởng gợi ý, cần nghiên cứu bổ sung chính sách ưu đãi về thuế giá trị gia tăng cho đối tượng HTX nông nghiệp, đặc biệt là các giao dịch nội bộ giữa HTX và thành viên. Ngoài ra, có thêm chính sách ưu đãi đối với HTX hoạt động ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, HTX có nhiều thành viên, người lao động nữ, có nhiều thành viên, người lao động khuyết tật.

Cùng với đó là hỗ trợ chính sách tín dụng theo hướng tăng độ mở và linh hoạt đối với việc vay vốn cho HTX nông nghiệp, hoặc khuyến khích hoạt động tín dụng nội bộ. Bên cạnh đó, quan tâm hơn nữa đến đào tạo nguồn nhân lực.

Theo Bộ trưởng Lê Minh Hoan, đến hết năm 2023, cả nước có 96 Liên hiệp HTX nông nghiệp, trên 20.000 HTX nông nghiệp, trong đó khoảng 65% xếp loại khá, tốt; gần 2.500 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; trên 4.000 HTX thực hiện bao tiêu nông sản.

Từ đó, Bộ trưởng đánh giá, kết quả này thể hiện vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể giai đoạn mới, Nghị quyết số 106/NQ-CP của Chính phủ về phát triển HTX nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Với Bộ trưởng Lê Minh Hoan, HTX là cấp số nhân tạo ra sức sống mới cho nông nghiệp, nông thôn; HTX là giải pháp đầu tiên trong mọi giải pháp để cơ cấu lại ngành nông nghiệp; HTX chính là con đường dẫn đến sự thành công của nông nghiệp; Phát triển HTX sẽ tạo ra sức mạnh đa chiều; Nếu không có HTX thì vẫn là sự manh mún, nhỏ lẻ, thiếu liên kết…

Có thể thấy, Bộ trưởng Lê Minh Hoan không chỉ dành sự chỉ đạo sâu sát tới các mặt hoạt động của ngành Nông nghiệp và PTNT nói chung, sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển nhanh, mạnh và bền vững của HTX, mà ông còn được biết đến người truyền cảm hứng mạnh mẽ cho những nhà quản lý, giới chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, người nông dân và những chủ thể sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn./.

Ngành Kinh tế hợp tác và PTNT: MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Để hiểu rõ một số kết quả công tác nổi bật trong năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 và những năm tiếp theo của Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT, dưới đây là cuộc trao đổi của PV với ông Lê Đức Thịnh, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.

PV: *Xin ông có thể khái quát một vài nội dung về bức tranh chung của ngành nông nghiệp và PTNT trong năm 2023?*

Ông Lê Đức Thịnh: Năm 2023, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là về thị trường xuất khẩu lâm sản và thủy sản, song giá trị gia tăng toàn ngành Nông nghiệp và PTNT (GDP) tăng cao, ước đạt 3,83%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm gần đây. Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, các cân đối lớn của nền kinh tế và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Sản lượng lúa đạt 43,4 triệu tấn, tăng 1,7% so với năm 2022, sản lượng thịt hơi các loại đạt 7,6 triệu tấn, tăng 3,5%; sản lượng thủy sản 9,3 triệu tấn, tăng 2,9%.

Mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản là 53,01 tỷ USD chưa đạt mục tiêu 54-55 tỷ USD nhưng xuất siêu năm 2023 đạt mức kỷ lục 12,07 tỷ USD, tăng 43,7% chiếm trên 42,5% xuất siêu cả nước. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng cao kỷ lục như: Hàng rau quả đạt 5,69 tỷ USD, tăng 69,2%, gạo đạt 4,78 tỷ USD, tăng 38,4%). Trong đó, có sáu mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị trên 3 tỷ USD gồm: Hàng rau quả đạt 5,69 tỷ USD, tăng 69,2%; Gạo 4,78 tỷ USD, tăng 38,4%; Hạt điều 3,63 tỷ USD, tăng 17,6%; Càphê 4,18 tỷ USD, tăng 3,1%; Tôm 3,38 tỷ USD, giảm 21,7%; Gỗ và sản phẩm gỗ 13,37 tỷ USD, giảm 16,5%.

Ông Lê Đức Thịnh, Cục trưởng Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT

Kết thúc năm 2023, cả nước có khoảng 78% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 256 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 270 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới. Số lượng sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên tăng đều qua các tháng và đạt 11.000 sản phẩm, (tăng 2.189 sản phẩm so với năm 2022); trong đó có 37,9% là HTX, 24% là doanh nghiệp, 35,3% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác. Nhiều hoạt động tạo điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp

quảng bá, tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2023 là Việt Nam đã nghiên cứu, sản xuất thành công và xuất khẩu vaccine thương mại phòng bệnh dịch tả lợn Châu phi.

Đặc biệt, trong năm 2023, ngành Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn mang tầm quốc gia, quốc tế, tiêu biểu như: Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo, Festival Bảo tồn và phát triển làng nghề, Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về phòng chống thiên tai.… Qua đó giúp quảng bá hình ảnh, thương hiệu nông lâm thủy sản trong nước, khu vực và quốc tế, thúc đẩy tiêu thụ nông sản; nhất là việc phát động thực hiện Đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT

PV: *Trong thành tích chung đó, ngành Kinh tế hợp tác và PTNT đóng vai trò như thế nào?*

Ông Lê Đức Thịnh: Từ đầu năm, ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đã tự chủ động ban hành Chương trình nhiệm vụ trọng tâm nhằm tổ chức triển khai các hoạt động và đánh giá kết quả. Các lĩnh vực như kinh tế tập thể, HTX, nghề nông thôn và cơ giới hóa nông nghiệp đã ngày càng khẳng định vị trí và vai trò của mình. Cụ thể, HTX nông nghiệp đã trở thành một yếu tố then chốt trong việc phát triển chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, góp phần quan trọng vào việc hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản cũng đã có bước phát triển đáng kể, với việc áp dụng ngày càng nhiều công nghệ tiên tiến và công nghệ số.

Ngoài ra, phát triển ngành nghề nông thôn và đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tăng thu nhập cho người dân, đồng thời tạo ra cơ hội việc làm và cải thiện đời sống của họ. Các dự án sắp xếp và bố trí dân cư cũng đã giúp đời sống của người dân tại nhiều khu vực tái định cư trở nên ổn định và phát triển. Những thành tựu này không chỉ đạt được nhờ vào sự quan tâm và hỗ trợ từ Chính phủ, các cơ quan quản lý và các địa phương, mà còn nhờ vào sự đóng góp và sự chung sức của cộng đồng doanh nghiệp, bà con nông dân và

các cơ quan truyền thông. Đồng thời, sự thống nhất và nỗ lực từ toàn bộ ngành cũng đã giúp đạt được mục tiêu và góp phần vào sự phát triển của ngành nông nghiệp.

PV: *Vâng xin ông có thể nêu một số kết quả nổi bật của ngành Kinh tế hợp tác và PTNT đã đạt được trong năm 2023?*

Ông Lê Đức Thịnh: Trước hết trong công tác chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đã trở nên chủ động, quyết liệt và dân chủ hơn. Trong năm 2023, ngành này đã tham mưu và xây dựng một số văn bản quan trọng, bao gồm 01 nghị quyết, 02 nghị định, 01 chiến lược, 02 đề án và 02 thông tư.

Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết và Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030. Hiện tại, các văn bản đã được hoàn thiện và chờ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc trình Chính phủ. Nghị định về cơ giới hoá nông nghiệp và đề án đào tạo, chuyển đổi nghề lao động nông nghiệp vẫn đang chờ được ban hành hoặc hoãn thời gian thực hiện. Thông tư hướng dẫn triển khai Chương trình Bố trí dân cư các vùng đã được ban hành.

Ngoài ra, ngành này cũng đã tổ chức nhiều hoạt động truyền thông và hội thảo để thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, hội thảo về HTX nông nghiệp đã được tổ chức thành công, giúp tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các nhiệm vụ phát triển của ngành này. Đặc biệt, Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT đã chủ trì tham mưu tổ chức thành công Festival Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023; Diễn đàn 970 thúc đẩy mô hình sản xuất nông nghiệp đại điền; Diễn đàn HTX nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL; Tọa đàm phát triển HTX NN bền vững chào mừng 77 năm Ngày HTX Việt Nam; tham gia phối hợp tổ chức thành công Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Hậu Giang…

Về lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Trang trại: Trong những năm gần đây, lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Trang trại đã tập trung vào việc triển khai một loạt các nhiệm vụ quan trọng, bao gồm: Triển khai Đề án phát triển HTX NN thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL: Đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Bộ và các địa phương vùng ĐBSCL để đẩy mạnh triển khai Đề án. Các hoạt động như tổ chức Hội nghị, Diễn đàn đã được triển khai để đề xuất giải pháp và chỉ đạo các địa phương ban hành kế hoạch cụ thể hỗ trợ các HTX NN; Phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm thủy sản đạt chuẩn: Đã có những tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng các vùng nguyên liệu. Các công trình hạ tầng đã được hoàn thành, và các dự án liên kết đã mang lại kết quả tích cực, với việc thành lập các chuỗi sản phẩm liên kết và tổ khuyến nông cộng đồng; Phát triển khu vực kinh tế tập thể và HTX: Các HTX đã phát triển ổn định cả về số lượng và chất lượng. Các mô hình HTX nổi bật đã góp phần vào việc khai thác tiềm năng địa phương và tăng thu nhập cho người lao động. Số lượng Liên hiệp HTX nông nghiệp cũng đã tăng lên, điều này cho thấy sự phát triển tích cực của lĩnh vực này; Phát triển liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: Có sự tăng

cường đáng kể về số lượng HTX, Tổ hợp tác, doanh nghiệp và hộ nông dân tham gia các dự án liên kết. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất dưới hình thức hợp tác và liên kết cũng đã tăng lên đáng kể.

Kết quả đến hết năm 2023, trong các vùng nguyên liệu đã có 56 chuỗi sản phẩm liên kết và 22 dự án/kế hoạch liên kết; có 26 doanh nghiệp tham gia liên kết (trước khi có đề án chỉ có 08 doanh nghiệp); có 60 HTX và 876 hộ nông dân tham gia liên kết. Đã thực hiện cấp được 76 mã số vùng trồng cho các cây trồng như lúa gạo, sầu riêng, xoài với diện tích 3.059 ha trong các vùng nguyên liệu; thành lập được 26 Tổ khuyến nông cộng đồng với sự tham gia của 168 thành viên tại 13 tỉnh thuộc (02 tổ/tỉnh). Các tỉnh tham gia đề án đã thành lập thêm 49 tổ khuyến nông cộng đồng với sự tham gia của 321 thành viên…

Tính đến hết tháng 12/2023, cả nước có 100 Liên hiệp HTX nông nghiệp và 20.789 HTX nông nghiệp trong đó khoảng 65% xếp loại khá, tốt và gần 2.500 HTX NN ứng dụng CNC, chuyển đổi số, đặc biệt có trên 4.339 HTX tham gia đảm nhận bao tiêu nông sản cho thành viên. Hiện cả nước có 19.660 trang trại, trong đó: 3.308 trang trại trồng trọt, 12.349 trang trại chăn nuôi, 133 trang trại lâm nghiệp, 1.810 trang trại nuôi thủy sản, 2.060 trang trại tổng hợp. Có 1.034 trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, 56 trang trại tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp, 4.235 trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Về phát triển liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay có 2.204 HTX, 517 Tổ hợp tác, 1.091 doanh nghiệp và 186.829 hộ nông dân tham gia. Hiện các địa phương đã phê duyệt được 2.146 dự án, kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, trong đó: Trồng trọt 1.504 dự án, chăn nuôi 489 dự án, lâm nghiệp 61 dự án, thủy sản 92 dự án.

Việc tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết ngày càng được cải thiện và đã đạt được nhiều kết quả: Đến nay, tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất dưới hình thức hợp tác và liên kết đạt khoảng 21,6%; trong đó nhiều sản phẩm chủ lực quốc gia đạt tỷ lệ % giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết khá cao.

Lĩnh vực Ngành nghề nông thôn và Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn các địa phương xây dựng chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề theo Quyết định số 801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay cả nước có 216 nghề truyền thống, 2.039 làng nghề, làng truyền thống đã được công nhận. Tổng số cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn khoảng 880 nghìn cơ sở, bao gồm 13.201 DN, 5.592 HTX, 5.994 THT và trên 783.474 hộ gia đình, tạo việc làm cho trên 3,7 triệu lao động. Doanh thu các hoạt động ngành nghề nông thôn đạt trên 202.000 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 4-5 triệu/lao động/năm. Đặc biệt, chủ trì chuẩn bị và tổ chức thành công chuỗi sự kiện Festival Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023, với sự hiện diện của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và nhiều lãnh đạo các Ban, Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương và đại diện 25 đại sứ quán, tham tán, các tổ chức quốc tế.

Triển khai các Quyết định của Bộ về đào tạo nghề nông nghiệp trong các chương trình mục tiêu quốc gia. Đến nay, đã bước đầu hình thành được hệ thống các tài liệu, chương trình, giáo trình đào tạo mới, học liệu điện tử theo yêu cầu của thực tiễn. Bộ đã giao cho các Trường, đơn vị đào tạo tổ chức đào tạo nghề cho trên 4.768 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động có thu nhập thấp và 1.295 lao động nông thôn được học nghề sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm thủ công mỹ nghệ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các tài liệu, sổ tay hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất một số sản phẩm chủ lực phục vụ cho truyền thông, tuyên truyền nâng cao năng lực cho nông dân... Các địa phương cũng đã tổ chức triển khai thực hiện và đào tạo được gần 200.000 người. Lao động trong các vùng nguyên liệu được quan tâm đào tạo, nhất là đào tạo các kỹ năng về quản trị sản xuất, hạch toán kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ thông tin vào đào tạo đem lại hiệu quả.

Lĩnh vực Bố trí dân cư nông thôn: Kết quả thực hiện Chương bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg, năm 2023 cả nước bố trí ổn định cho khoảng 6 nghìn hộ, góp phần hạn chế thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra, hạn chế di cư tự do, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố quốc phòng, an ninh. Các hộ dân DCTD tiếp tục được bố trí sắp xếp ổn định, cơ bản giảm tình trạng dân DCTD (năm 2021 có 127 hộ, năm 2022 chỉ có 22 hộ, trước và sau tết nguyên đán năm 2023 có 6 hộ).

Tình hình thực hiện công tác di dân, tái định cư và ổn định đời sống, sản xuất sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện: Đến nay có tổng số 152 dự án thủy lợi, thủy điện phải thực hiện công tác di dân, tái định cư, với tổng số hộ dân phải di dời tái định cư là 81.397 hộ (trong đó: số hộ đã di chuyển đến các điểm tái định cư là 77.429 hộ (chiếm 95,1%); số hộ chưa di chuyển là 3.968 hộ thuộc 25 dự án thủy lợi, thủy điện (chiếm 4,9%), trong đó: 86 dự án thuỷ điện, với tổng số hộ phải di dời, tái định cư là 67.320 hộ; 66 dự án thuỷ lợi, với tổng số hộ phải di dời, tái định cư là 14.062 hộ.

Tuy nhiên, quỹ đất để thực hiện các dự án bố trí dân cư còn hạn chế, đặc biệt là đất sản xuất tại điểm tái định cư; việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng để bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ dân di cư tự do còn nhiều vướng mắc, chưa được giải quyết; còn tồn tại điểm nóng về tranh chấp đất đai chậm được giải quyết, dẫn đến tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tình trạng dân di cư tự do đã giảm mạnh, song đến nay còn khoảng 8,8 nghìn hộ (riêng các tỉnh Tây Nguyên là hơn 7,9 nghìn hộ tập trung chủ yếu các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) cần tiếp tục được bố trí, sắp xếp ổn định vào các điểm dân cư theo quy hoạch (trong đó: khoảng 6,3 nghìn hộ đã được quy hoạch theo từng dự án và 2,5 nghìn hộ đang sống phân tán tại các địa phương). Nguyên nhân dẫn đến còn nhiều hộ chưa được bố trí ổn định vào các điểm dân cư

Lĩnh vực Chính sách phát triển nông thôn: Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Cục đã tham mưu cho Bộ ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đến nay đã có một số kết quả, đó là: 48/48 tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình đã ban hành quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; có 45/48 tỉnh đã ban hành cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; 63/63 tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và năm 2023; 42/48 tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Theo báo cáo của 56 tỉnh thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp đã thực hiện được 682,051 tỷ đồng; hỗ trợ PTSX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên 1.100 dự án cho khoảng 37.520 hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo, trung bình từ 300 - 500 triệu/dự án; 100% hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được tập huấn, chuyển giao công nghệ sản xuất, chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm; tổ chức 371 lớp tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị với 17.245 người tham gia.

Lĩnh vực Cơ điện nông nghiệp, nông thôn: Cơ giới hoá nông nghiệp được Chính phủ, Bộ, địa phương, người dân ngày càng quan tâm, nhiều loại máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, cơ giới hoá đồng bộ sản xuất các ngành hàng chủ lực đã phát triển tại một số địa phương. Qua đó một số công nghệ hiện đại đã được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp như: Thiết bị bay không người lái (drone) phun thuốc BVTV, gieo hạt, phân, bơm nước thông minh... Nhiều khâu sản xuất nông nghiệp đã được cơ giới hóa, một số khâu đạt mức 100%. Một số địa phương đã hình thành các mô hình sản xuất lúa thông minh (mô hình trồng lúa thông minh của HTX Mỹ Đông 2, Đồng Tháp).

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, Chưa có cơ chế, chính sách riêng về khuyến khích, hỗ trợ cơ giới hoá, cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp, sau khi Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày 31/12/2020. Một số nội dung có liên quan đến cơ giới hoá nông nghiệp chưa được đề cập đến như: An toàn lao động cho người sử dụng máy móc, thiết bị; Quản lý chất lượng; Tiêu chí xác định cơ giới hoá, cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp; Đào tạo nguồn nhân lực trong vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị nông nghiệp; Cơ sở hạ tầng đồng ruộng còn khó khăn…

Lĩnh vực Diêm nghiệp: Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030. Ngành Kinh tế hợp tác và PTNT đã tham mưu văn bản chỉ đạo các tỉnh tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh muối, trong đó có giải pháp bảo vệ đất làm muối đã quy hoạch, tránh trình trạng chuyển đổi mục đích sử dụng đất làm muối; triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất muối sạch theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm cũng đã được thực hiện có hiệu quả. Đến nay đã tổ chức triển khai tại 05 tỉnh, gồm: Ninh Thuận, Phú Yên, Khánh Hoà, Bạc Liêu và Bến Tre với quy mô diện tích là 7,0 ha. Tính đến ngày 20/11/2022, diện tích sản xuất muối cả nước ước đạt 10.748,7 ha, trong đó: DT muối thủ công đạt 7.249,9 ha; DT muối CN đạt 3.497,7 ha; sản lượng muối đạt 883.783,5 tấn. Lượng muối tồn trong diêm dân và một số doanh nghiệp là 198.952,0 tấn.

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

PV: *Ông có thể chia sẻ một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai nhiệm vụ của ngành Kinh tế hợp tác và PTNT?*

Ông Lê Đức Thịnh: Với quan điểm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, trọng tâm, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch. Ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đã cơ

bản thiết lập được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thể chế, chính sách ở hầu hết các lĩnh vực. Một số lĩnh vực như phát triển trang trại, cơ giới hóa nông nghiệp hiện nay cũng đã trình hoặc đang xây dựng để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật sau khi được ban hành cũng đã được Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn kịp thời tham mưu cho Bộ ban hành các Kế hoạch hành động hoặc Văn bản hướng dẫn để các địa phương làm cơ sở, căn cứ triển khai thực hiện.

Một trong những thuận lợi của ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đó là có cả một hệ thống tổ chức từ cấp Trung ương đến địa phương: Gần 50 biên chế thực hiện nhiệm vụ tại Cục, 1.378 biên chế thực hiện nhiệm vụ tại các Chi cục và 571 biên chế thực hiện nhiệm vụ tại huyện (Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế) nên việc triển khai công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cơ bản luôn đáp ứng được yêu cầu.

Các lĩnh vực ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò, chức năng trong công tác tham mưu về chính sách, xây dựng mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất… Một số nhiệm vụ như kinh tế tập thể, HTX; ngành nghề nông thôn; bố trí dân cư nông thôn ngày càng chủ động tham gia nhiều vào các Chương trình, đề án, dự án quan trọng của Bộ, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa lúa chất lượng cao; Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn…

Ngày càng chủ động hợp tác và chặt chẽ hơn với các đơn vị trong và ngoài Bộ; đồng thời cũng đã chủ động mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế ở một số lĩnh vực như kinh tế hợp tác; ngành nghề nông thôn... (Dự án Khu vực Các Trung tâm Đổi mới sáng tạo xanh). Các hoạt động phối hợp với các Hội, Hiệp hội được ký kết giao ước nhằm đa dạng hóa các hình thức triển khai nhiệm vụ.

Ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn về cơ bản đã có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên đến nay một số lĩnh vực vẫn chưa được ban hành như lĩnh vực trang trại, cơ giới hóa; một số tuy đã được ban hành nhưng cần phải điều chỉnh để phù hợp với thực tế hiện nay. Chất lượng, quy mô các mô hình thể chế còn hạn chế: HTX nông nghiệp còn nhỏ lẻ, chưa thu hút được đông đảo thành viên tham gia. Các dự án bố trí sắp xếp dân cư tuy đã được thực hiện nhưng chưa chú trọng đến công tác hỗ trợ phát triển sản xuất sau tái định cư để đảm bảo sinh kế cho các hộ dân sinh sống trên địa bàn; việc lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, Đề án để hỗ trợ PTSX tại điểm bố trí dân cư (đa số là các hộ nghèo, cận nghèo) còn hạn chế, chưa được quan tâm. Dân di cư tự do thay đổi theo hướng vùng biên giới, phát sinh nhiều nguy cơ do biến đổi khí hậu, dịch bệnh. Một số lĩnh vực chưa chú trọng đến phát triển Hội, Hiệp hội như lĩnh vực diêm nghiệp, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn…Công tác tuyền thông ở một số lĩnh vực chưa được chú trọng. Đội ngũ cán bộ, biên chế ở một số Chi cục Phát triển nông thôn còn rất ít, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

PV: *Xin ông cho biết một số mục tiêu, giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm của ngành Kinh tế hợp tác và PTNT trong thời gian tới?*

Ông Lê Đức Thịnh: Với mục tiêu chung là quyết tâm hoàn thiện và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật theo tiến độ và kế hoạch được giao. Triển khai quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả một số nhiệm vụ trọng tâm công tác như các Đề án, Chương trình, Chiến lược đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt. Xây dựng kế hoạch và triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số trên tất cả lĩnh vực hoạt động của Cục và ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, tập trung triển khai công tác chuyển đổi trong lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX và ngành nghề nông thôn.

Trên cơ sở đó, trong công tác xây dựng chính sách: Hoàn thành trình Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển

kinh tế trang trại. Ban hành Nghị định về cơ giới hoá, cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp. Rà soát và tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Rà soát và tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2017/NĐ-CP về quản lý sản xuất, kinh doanh muối.

Trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, các biện pháp cụ thể có thể bao gồm: Đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác truyền thông để tăng cường hoạt động thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực của Cục và ngành Kinh tế hợp tác. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy phát triển sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề. Hỗ trợ đào tạo hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp và xây dựng lực lượng lao động nông thôn có kiến thức, tay nghề cao. Phấn đấu để giảm tình trạng dân di cư tự do và hoàn thiện việc bố trí và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng tại các vùng dự án bố trí dân di cư tự do. Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ phát triển sản xuất xã hội tại các vùng khó khăn, đặc biệt là các xã nghèo và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển cơ giới hoá trong nông nghiệp và ngành muối nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng và bảo vệ môi trường.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, ngành Kinh tế hợp tác và PTNT, trong thời gian tới tập trung vào một số nhiệm vụ chính như sau:

1. Hoàn thiện và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

2. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế tập thể, HTX, trang trại: Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất, HTX, chuỗi giá trị trong bối cảnh biến đổi khí hậu, sản xuất xanh. Tập trung phát triển số lượng HTX, đặc biệt là củng cố và nâng cao năng lực cho các HTX trong các vùng nguyên liệu và trong các vùng thuộc đề án thí điểm 01 triệu ha lúa. Qua đó khẳng định vai trò của Ngành trong việc góp phần thực hiện có hiệu quả các Đề án của ngành Nông nghiệp.

Xây dựng và trình Bộ ban hành Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của HTX NN trong sản xuất, chế biến, bảo quản và thương mại nông sản, chế biến phụ phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Nghiên cứu xây dựng bổ chỉ tiêu, chỉ số đánh giá, xếp lại môi trường kinh doanh HTX NN cấp tỉnh. Hoàn thiện pháp luật về kinh tế trang trại, HTX, liên kết sản xuất theo Nghị định 98. Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế trang trại, nhất là việc phát triển các mô trang trại kết hợp du lịch và trang trại hoạt động đa mục tiêu.

3. Coi trọng và đẩy mạnh việc hỗ trợ HTX và Trang trại

ứng dụng KHCN tiên tiến, CNC vào sản xuất và kinh doanh. Công nghệ cao trong SXNN bao gồm: Công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiết kiệm và Công nghệ sản xuất vật tư NN (phân bón thông minh, phân bón vi sinh, hữu cơ vi sinh...). Tùy điều kiện mà hỗ trợ giúp cho các HTX ứng dụng các công nghệ phù hợp, chi phí thấp, dễ dàng trong ứng dụng. Sau khi ứng dụng CNC vào sản xuất cần hỗ trợ các HTX ứng dụng CN 4.0 công nghệ thông minh, thực hiện truy suất nguồn gốc để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm của accs HTX, doanh nghiệp.

4. Nhiệm trọng tâm về phát triển ngành nghề nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: Ưu tiêu tập trung tổ chức đào tạo nghề tại các vùng nguyên liệu, vùng trồng thuộc các đề án của Bộ đã phê duyệt. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề của các Trường nghề, qua đó hướng các Trường nghề tham gia nhiều hơn công tác đào tạo nghề trong nông nghiệp.

Phát huy kết quả Festival Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023 để sớm xây dựng tiêu chí công nhận nghệ nhân, thợ giỏi. Phát triển vùng nguyên liệu cho các làng nghề, thành lập các tổ chức hiệp hội ngành nghề.

5. Tập trung rà soát lại các Chương trình, dự án cấp bách về ổn định dân di cư tự do và bố trí dân cư vùng có nguy cơ cao về thiên tai tại các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chỉ đạo của Chính phủ. Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo bàn các giải pháp, kiến nghị về cơ chế, chính sách phát triển sinh kế, công nhận hành chính sau tái định cư. Tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP của Chính phủ, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản không còn tình trạng dân di cư tự do.

6. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ đã ban hành. Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động về an toàn vệ sinh lao động và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

7. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030. Phối hợp tổ chức thành công Festival nghề muối Việt Nam - Bạc Liêu năm 2024.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá kết quả và các hoạt động của ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

9. Chú trọng công tác quản lý nhà nước trong xây dựng cơ sở dữ liệu; hệ thống báo cáo đánh giá và ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý của Ngành.

PV: Xin trân trọng cảm ơn ông!

Theo Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Phòng Ngành nghề Nông thôn DCRD

Ngày 7/7/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 801/QĐ-TTg về việc phê duyệt "Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030". Theo đó, bảo tồn và phát triển làng nghề được xác định có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân; bảo vệ, giữ gìn cảnh quan, không gian làng nghề, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nông thôn mới.

Bảo tồn các giá trị văn hóa làng nghề gắn với phát triển kinh tế du lịch để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, vùng, miền, địa phương khác nhau. Khơi dậy tiềm năng, lợi thế, giá trị truyền thống mang dấu ấn, thương hiệu của địa phương và quốc gia thông qua phát triển sản phẩm của các làng nghề, đặc biệt là sản phẩm của làng nghề truyền thống, nghề thủ công mỹ nghệ tinh xảo gắn với việc phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ các nghệ nhân, thợ giỏi, lành nghề và người lao động ở các địa phương, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Phát triển làng nghề gắn với thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm của làng nghề.

Nhiều làng nghề tìm được hướng phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Quyết định đưa ra mục tiêu chung là nhằm bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề Việt Nam, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường, xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

Về mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2025

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 56 nghề truyền thống và 85 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;

- Công nhận mới 116 nghề và 40 làng nghề truyền thống; phát triển 181 làng nghề gắn với du lịch;

- Trên 70% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;

- 80% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;

- Có ít nhất 50% làng nghề truyền thống có sản phẩm được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Có ít nhất 30% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu;

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;

- Thu nhập bình quân của lao động tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

- Nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 4 tỷ USD;

- 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Đến năm 2030

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 129 nghề truyền thống và 208 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;

- Công nhận mới 213 nghề và 96 làng nghề truyền thống; phát triển khoảng 301 làng nghề gắn với du lịch;

- Trên 80% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;

- 100% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;

- Có ít nhất 50% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;

- Nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 6 tỷ USD;

- 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

Một số nhiệm vụ trọng tâm

Thứ nhất: Phát huy vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi

a) Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề, thực hành nghề thủ công truyền thống, lan tỏa các giá trị của di sản văn hóa nghề truyền thống trong cộng đồng, đặc biệt đối với thế hệ trẻ; bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị.

b) Sưu tầm, lưu giữ và tổ chức trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của các nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu biểu các cấp.

c) Tổ chức phong tặng, tôn vinh các danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân, bảng vàng gia tộc nghề truyền thống Việt Nam và các sản phẩm làng nghề tiêu biểu.

Thứ hai: Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

a) Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân

loại danh mục các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống và đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, xét công nhận;

b) Xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền;

c) Hỗ trợ các nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhân rộng.

Thứ ba: Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới

a) Phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hóa nghề, làng nghề truyền thống (nhà thờ tổ nghề, không gian làm nghề, cảnh quan làng nghề...); khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hóa.

b) Tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Thứ tư: Phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

a) Đối với các làng đã có nghề: Khôi phục, bảo tồn, lưu giữ nét văn hóa truyền thống trong sản phẩm, bí quyết nghề, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ cảnh quan, môi trường làng nghề.

b) Đối với các làng chưa có nghề: Thúc đẩy phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương thông qua các hình thức du nhập, học tập, phổ.

Các giải pháp thực hiện

1. Về quy hoạch: Rà soát, sắp xếp lại các làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo đủ mặt bằng phục vụ sản xuất, bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường làng nghề gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề gắn với các mục tiêu phát triển bền vững; xây dựng và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Việt Nam.

3. Khôi phục, bảo tồn các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền

a) Sưu tầm, tài liệu hóa, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các sản phẩm được lưu truyền, các mẫu hoa văn truyền thống, các lễ hội truyền thống của làng nghề.

b) Đối với những nghề, làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi: Xác định bảo tồn là chính; tiến hành điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghệ nhân hoạt động "trình diễn" nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.

c) Đối với những nghề, làng nghề có khó khăn: Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ có tay nghề cao và các cơ sở trong làng nghề duy trì ổn định sản xuất các sản phẩm độc đáo phục vụ sinh hoạt, các lễ hội của cộng đồng, từng bước phát triển các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

4. Hỗ trợ phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả và làng nghề mới

a) Tập trung phát triển các làng nghề sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế, hàm lượng văn hóa cao, có tiềm năng xuất khẩu lớn (chế biến nông lâm thủy sản, mây tre đan, gốm sứ, thêu dệt, chạm khảm, sơn mài, kim hoàn, sinh vật cảnh...).

b) Hỗ trợ thúc đẩy du nhập, gây dựng, phát triển làng nghề mới; phổ biến, nhân rộng nghề truyền thống ra các làng nghề mới; đẩy mạnh hỗ trợ sáng tạo phát triển sản phẩm, hình thành các cơ sở sản xuất mới tại địa phương.

c) Xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường làng nghề

5. Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề

a) Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định, trong đó ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực (mây tre lá, gốm sứ, thêu dệt...) tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

b) Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư nhằm phát triển vùng nguyên liệu có chứng chỉ bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

c) Phát triển các chợ, trung tâm đầu mối về nguyên liệu, phụ liệu nhằm kịp thời cung ứng cho các cơ sở sản xuất trong các làng nghề.

6. Xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề

a) Khuyến khích, hỗ trợ phục hồi, tôn tạo các di tích, xây dựng các bảo tàng làng nghề, khu trình diễn, không gian trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm của nghề và làng nghề gắn với thiết kế mẫu mã, đào tạo, các hoạt động thương mại sản phẩm làng nghề.

b) Ưu tiên xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề theo hình thức xã hội hóa, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật liên quan: Trung tâm bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ, sơn mài; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề kim chỉ và giao lưu văn hóa làng nghề Việt Nam; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề dâu tằm tơ; không gian trưng bày, giới thiệu và trình diễn các nghề truyền thống Huế và Việt Nam; khu trưng bày, bảo tồn làng nghề gắn với du lịch.

7. Đào tạo nâng cao năng lực nghệ nhân, thợ giỏi và nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề

a) Các nghệ nhân, người lao động tại làng nghề được hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực theo quy định hiện hành.

b) Tập trung hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm và xu hướng thị trường; khuyến khích, hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề cho người lao động.

c) Hỗ trợ đào tạo cho người lao động tại làng nghề nâng cao trình độ kỹ năng nghề, vệ sinh an toàn lao động, kiến thức công nghệ thông tin cơ bản; hỗ trợ, đào tạo người sử dụng lao động tại làng nghề nâng cao kỹ năng quản lý, chuyển đổi số, kiến thức kinh doanh.

d) Phát triển mô hình liên kết giữa các hiệp hội chuyên ngành, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề để thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực.

8. Chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế

a) Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và vật liệu mới vào sản xuất, ưu tiên công nghệ thân thiện với môi trường và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Kết hợp công nghệ mới với kỹ thuật, công nghệ truyền thống để nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm.

b) Khuyến khích các tổ chức, đơn vị nghiên cứu khoa học, cá nhân tham gia các chương trình, đề tài khoa học, dự án khôi phục kỹ thuật nghề truyền thống, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới của làng nghề.

c) Khuyến khích sự liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành thiết kế, các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo với các làng nghề, cơ sở sản xuất để thiết kế, cải tiến mẫu mã sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

d) Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại và phát triển du lịch làng nghề.

đ) Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cải thiện điều kiện sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đáp ứng các tiêu

chuẩn, quy chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

9. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu

a) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề theo các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, Chương trình OCOP; hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tại làng nghề xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến.

b) Xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, các trạm nghỉ ven đường quốc lộ, điểm du lịch để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

c) Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP.

d) Hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm làng nghề của đồng bào các dân tộc Việt Nam phục vụ xuất khẩu và xuất khẩu tại chỗ, đặc biệt cho phân khúc thị trường cao cấp.

10. Xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề

a) Tổ chức lại sản xuất làng nghề theo hướng hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ vùng nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển kinh tế tập thể, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia chuỗi giá trị để cung cấp các dịch vụ cho các cơ sở sản xuất, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm.

b) Thiết kế, xây dựng các tuyến, điểm và tổ chức hoạt động du lịch, thăm quan, giáo dục, trải nghiệm nghề và làng nghề truyền thống, liên kết chặt chẽ với các chương trình du lịch nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của làng nghề và các sản phẩm của địa phương.

c) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị: Mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch; bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu; ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

11. Nâng cao chất lượng của các hiệp hội ngành hàng

a) Hỗ trợ thành lập các hiệp hội chuyên ngành của các nhóm ngành nghề nông thôn phù hợp với quy định của pháp luật. Hỗ trợ các hiệp hội chuyên ngành xây dựng vùng nguyên liệu, đào tạo lao động, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất, phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.

b) Các hiệp hội ngành hàng đẩy mạnh nghiên cứu, phổ biến thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, thông tin về thị trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, mẫu mã sản phẩm, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và quốc tế để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, định hướng sản xuất phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

c) Chủ động xác định nhu cầu và thực hiện công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực cho các làng nghề.

12. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

a) Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

b) Đẩy mạnh truyền thông, khuyến khích liên kết, thu hút các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và phát triển làng nghề; khuyến khích người dân sử dụng, trưng bày các sản phẩm của

làng nghề Việt Nam.

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhằm tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi của làng nghề; tổ chức các lễ hội làng nghề, hội thi các sản phẩm thủ công, sản phẩm làng nghề.

13. Rà soát, hoàn thiện chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề

a) Rà soát cơ chế, chính sách về đất đai, thu hút đầu tư, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường, khuyến công, đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các chính sách liên quan để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

b) Nghiên cứu, hoàn thiện quy định phong tặng, tôn vinh danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi; chính sách hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi phát triển nghề nghiệp và tham gia đào tạo, truyền nghề.

VAN BROTHERS

DẤU ẤN FESTIVAL BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM 2023

Văn phòng DCRD

Festival Bảo tồn và Phát triển Làng nghề Việt Nam 2023 sẽ diễn ra từ tháng 10 đến tháng 11 tới tại nhiều địa điểm ở Hà Nội, trong đó sự kiện chính diễn ra từ ngày 9-12/11/2023 tại Khu Di tích Hoàng thành Thăng Long. Một sự kiện để lại dấu ấn trong chặng đường 20 năm hoạt động của Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn (2003 - 2023).

Theo đó, Festival được tổ chức nhằm bảo tồn, tái hiện và phát huy bản sắc các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; hình thành các nét văn hóa đương đại của làng nghề Việt Nam; trong đó lấy các làng nghề của thành phố Hà Nội làm trung tâm để lan tỏa đến các địa phương khác. Những hoạt động của Festival sẽ góp phần tạo nên không gian giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức sản xuất kinh doanh sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong các làng nghề. Đồng thời, quảng bá, giới thiệu các làng nghề, phố nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội và cả nước. Từ đó, từng bước thúc đẩy tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển du lịch trong các làng nghề.

Gặp mặt 100 nghệ nhân tiêu biểu toàn quốc

Trong khuôn khổ Festival Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023, chiều 9/11, tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng gặp mặt thân mật 100 đại biểu là các nghệ nhân, thợ giỏi lĩnh vực thủ công mỹ nghệ tiêu biểu toàn quốc.

Tại buổi gặp, Chủ tịch nước đánh giá cao sự phát triển của làng nghề Việt những năm qua, mang lại nhiều việc làm cho người dân, nhất là người dân ở nông thôn mọi lứa tuổi, qua đó góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt.

Chủ tịch nước cho rằng, những làng nghề ở Việt Nam không chỉ là nơi hoạt động sinh kế, phát triển kinh tế xã hội ở địa phương mà còn là không gian bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của các vùng, miền, địa phương trong cả nước. Chủ tịch nước khẳng định, có được thành

tựu to lớn đó, trước hết công lao thuộc về các nghệ nhân, thợ giỏi và nhân dân các làng nghề trong cả nước đã có những đóng góp, cống hiến quan trọng. Các nghệ nhân, thợ giỏi được coi là hồn cốt của làng nghề, báu vật sống của địa phương và quốc gia. Các nghệ nhân trong lĩnh vực khác nhau, nhưng đều đam mê, yêu nghề, sáng tạo, có bàn tay khéo léo và tâm hồn của người nghệ sĩ. Để trở thành nghệ nhân, thợ giỏi là cả quá trình nỗ lực khổ luyện bền bỉ trong thực tiễn lao động và cả những giai đoạn thăng trầm trong nghề.

Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng đề nghị các bộ, ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển làng nghề ở Việt Nam. Đi liền với đó là hoàn thiện chính sách đãi ngộ đối với các nghệ nhân; hoàn thiện cơ chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong sản xuất thủ công mỹ nghệ, phát triển làng nghề du lịch. Chủ tịch nước cũng đề nghị hoàn thiện bộ tiêu chí xét duyệt, phong tặng danh hiệu nghệ nhân, cơ chế truyền nghề và hỗ trợ các nghệ nhân trong xây dựng thương hiệu và tiếp thị.

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cùng lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND thành phố Hà Nội và nhiều Bộ, Ban ngành TW và đại biểu khách Quốc tế khai mạc Festival

Lễ khai mạc Festival được tổ chức tại Hoàng thành Thăng Long, nơi hội tụ, kết tinh những giá trị lịch sử, văn hóa cao quý nhất diễn ra vào tối 09/11/2023 với 300 đại biểu là lãnh đạo Đảng, Nhà nước, bộ, ngành, thành phố Hà Nội và các địa phương; đại diện một số tổ chức quốc tế, các nghệ nhân, thợ giỏi được vinh danh và tham gia hội chợ. Trong đó, nổi bật là lễ dâng hương tại Điện Kính Thiên và tái hiện lễ rước tổ nghề tại một số làng nghề truyền thống Việt Nam. Tại sự kiện đã tái hiện lễ rước tổ nghề làng nghề giày da Hoàng Diệu-Hải Dương và làng nghề lụa Vạn Phúc - Hà Đông.

Phát biểu tại lễ khai mạc, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan, cho biết trong khi đô thị được xem là hình ảnh đại diện cho mức độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, thì nông thôn chính là nơi gìn giữ trọn vẹn đời sống tinh thần, bản sắc văn hoá dân tộc, giá trị cốt lõi thấm đẫm tình đất, tình người. Nếu như các thiết bị điện tử, công nghệ được xem là sự biểu hiện của sự năng động về khoa học - kỹ thuật của các quốc gia, thì các tác phẩm thủ công mỹ nghệ, làng nghề chính là nét tinh hoa, khi tài nguyên bản địa được kết tinh thành giá trị văn hoá - xã hội, đậm đà bản sắc của mỗi quốc gia - dân tộc.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan phát biểu khai mạc Festival

Dẫn câu nói "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh," Bộ trưởng Lê Minh Hoan khẳng định truyền thống yêu nghề, kính nghiệp kêu gọi mỗi cá nhân có trách nhiệm, bổn phận để các sản phẩm làng nghề, tinh hoa Việt càng ngày bay cao, vươn xa. Hàng nghìn làng nghề nông thôn, làng nghề truyền thống trải khắp đất nước, những di sản văn hóa phi vật thể quốc gia thuộc loại hình nghề thủ công truyền thống, đã đóng góp giá trị to lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội. Mỗi làng nghề đều gắn liền với câu chuyện đời sống vật chất, tinh thần, tiếp nối qua nhiều thế hệ và được chắt chiu, nâng niu trong từng sản phẩm.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan bày tỏ sự tin tưởng vào đội ngũ các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà thiết kế thủ công mỹ nghệ Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ với đôi bàn tay khéo léo, khối óc sáng tạo, sự cảm nhận tinh tế vẫn luôn tự tin và tự hào tìm kiếm, chăm chút, tạo dựng những giá trị vô tận từ tài nguyên bản địa đa dạng, bản sắc văn hoá-xã hội độc đáo, với đôi tay khéo léo, khoa học, sáng tạo sẽ biến thành những sản phẩm có giá trị. Theo đó, cần phải có trách nhiệm và bổn phận làm cho người Việt, tinh hoa Việt bay cao, vươn xa đi khắp muôn nơi, với thông điệp, cùng nhau nâng lưu giá trị Việt, cùng nhau nâng tầm làng nghề Việt, cùng nhau kết nối tinh hoa Việt.

"Thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà thiết kế thủ công mỹ nghệ gắn bó với nghề, với làng nghề, lan toả những nét đẹp, giá trị tích cực đến với cộng đồng, cùng bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề thủ công truyền thống, đóng góp cho chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng sống của cộng đồng người dân nông thôn", Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhấn mạnh.

Nghệ nhân làng nghề truyền thống trình diễn tại Festival

Bên cạnh đó, có 6 sự kiện hưởng ứng Festival do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì và phối hợp thực hiện gồm Đêm biểu diễn chương trình nghệ thuật của các làng nghề văn hóa truyền thống; Hội thảo Quốc tế bảo tồn và phát triển làng nghề; Hội thảo kết nối giao thương Việt Nam - San Marino; Hội thảo Xúc tiến Thương mại Việt Nam - Mông Cổ; Hội thảo xây dựng vùng nguyên liệu dâu tằm tơ; Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2023.

Bên cạnh đó là mong muốn thay đổi tư duy, cách nhìn trong việc bảo tồn và phát triển các làng nghề theo hướng bền vững và từng bước vươn ra hội nhập với thế giới.

CHÚC VĂN GIỖ TỔ NGHỀ VIỆT NAM

Ngày hôm nay:

1. Gió lành reo muôn ngả,
Rộn rã đất Hoàng Thành tưng bừng hoa.
Nắng ấm suốt khắp vùng,
Lồng lộng trời Thủ đô thắm sắc!

2. Hà Nội tưng bừng: Đàn, nhác, sáo, múa ca,
Núi sông rực rỡ: Trống, chiêng, cờ, biển, kiếm!

3. Lễ Thành tổ linh thiêng
Đất Long Thành ứng nghiệm!

4. Lớp lớp Tài nhân đến từ trăm miền,
Tưng tăng Danh nghệ về từ tâm hướng!

5. Lễ Tổ nghề uy nghi,
Giang sơn gấm đẹp,
Gia tộc bình an!
Bái Thành thần linh hiển,
Đất nước hưng cường,
Nhân dân thịnh vượng!

Nhớ thuở xưa:

6. Thôn xóm đìu hiu,
Con người vất vưởng!

7. Cái nghèo, cái đói đeo đẳng quanh năm,
Nỗi cực, nỗi đau dày vò suốt tháng!

8. Đất cối cằn chỉ độc canh nông,
Dân xơ xác, chẳng ngoài đồng áng!

9. Củ sắn, củ khoai, củ nâu, bẹ chuối...
Thân chù chẩu chăng,
Hạt ngô, hạt đậu, hạt gạo, lá rau...
Phần con cả cuống!

10. Kém nghề nông nghiệp,
Nỗi truân chuyên biết lúc nào yên!
Yếu môn thủ công,
Niềm hạnh phúc bao giờ có được?

May mắn thay:

11. Non sông gấm vóc,
Có nhiều bậc Tiền Thánh cao siêu,
Đất nước hùng anh,
Sinh những đấng Thần nhân tài lược!

12. Thành tổ phát minh rạng núi sông,
Nghệ sư sáng chế vang non nước!

13. Hùng Vương Thủy Tổ, truyền bách nghệ thịnh dân
Đức Thánh Tản Viên, dạy trăm nghề hưng quốc!

14. Các Nghệ sư tài trí,
Dạy muôn dân nghề: mộc, gốm, tằm tơ...
Bậc Thánh tổ đức nhân,
Truyền bách tinh môn: sơn, tranh, đồng, đá!

15. Kim hoàn, xà cừ, chạm bạc, khảm trai,
Thêu ren, cắt may, chả giò, dệt lụa...

16. Ghi công Tổ:
Lê Công Hành, Dương Không Lộ, Phùng Khắc Khoan,
Tuệ Tĩnh, Nguyễn Kim,
Tạ ơn Thầy:
Lương Như Học, Hứa Vinh Kiều, Tô Trung Tự,
Thụ Là công chúa!

17. Dạy nghề dân, tinh hoa chắt lọc,
Mãi muôn đời ngưỡng vọng Tiên nhân.
Truyền trăm họ nghệ thuật cao siêu,
Suốt vạn năm phụng thờ Thánh tổ!

18. Nước mạnh giàu bền vững núi sông,
Dân no ấm âu ca ngàn thuở!

Theo dòng lịch sử:

19. Muôn làng nghề:
Quảng Ninh, Nam Định, Đà Nẵng, Ninh Thuận,
Long An, Đồng Tháp...
Suối Bắc chí Nam!
Trăm xứ nghề:
Yên Bái, Hải Phòng, Hà Nội, Nha Trang, Sài Gòn, Cà Mau...
Từ rừng xuống bể!

20. Gốm sứ Bát Tràng, hoa Hạ Long,
Thêu Văn Lâm, mùa rối Nhân Hoà,
Thuốc lào Kiến Thiết, nón Gia Bình,
Mắm Phú Quốc, đúc rèn Bàn Thổ...

21. Lúa Vân Phúc, gốm Bầu Trúc,
Tranh đã quỷ Lục Yên,
Rượu Mai Hạ, chè Tà Xùa,
Bánh khô mè Cẩm Lệ...

22. Muối Trường Trình, chiếu Nhật Tảo,
Bánh tráng Tuý Loan,
Hương An Lập, Miến Làng Sơ,
Đan tre Thôn Duệ...

23. Mài từ ngàn núi, trong rừng,
Cho tới chân trời, góc bể...

24. Làng truyền thống vạn bàn tay thợ,
Vẽ tinh hoa rồng phượng mùa ca.
Nghệ thủ công muôn triệu sắc hương,
Tạo nghệ thuật trăm hoa đua nở.

25. Làng trên xóm dưới, xứ xứ cõi bay,
Miền ngược, vùng xuôi... nơi nơi hội mở!

26. Muôn nghề giỏi, nối nghiệp ông cha,
Vạn nghề hay, ghi ân Thành Tổ!

27. Giao thương hội nhập, xuất hàng hoa thỉnh vượng non sông
Kinh tế chân hưng, thu ngoại tệ, vinh quang người thợ.

28. Phát triển làng nghề truyền thống, có Chính phủ chỉ đường
Duy trì nghề tiểu thủ công, ơn Thánh sư truyền nghề!

29. Giữ gìn bảo vật Tiên tổ, muôn năm vững mạnh quốc phòng
Tiếp nhận di sản cha ông, ngàn thuở thịnh hưng kinh tế!

Ngày hôm nay:

30. Chiêng trống rộn rã phố phường,
Cờ hoa tưng bừng nhân thế

31. Uống nước nhớ nguồn, ngàn phương về Hội lễ
phụng bái Tiên nhân,
Ghi lòng tạc dạ, muôn dân tới Thủ đô kính thành
Thánh tổ!

32. Trống rung Đại nội,
Tình nghĩa bách gia
Hương ngát Long Thành,
Tấm lòng hậu duệ!

33. Công Thành sư sáng chế vời vợi non ngàn
Tài Tổ phụ phát minh mênh mang trời bể.

34. Nhân dân hạnh phúc muôn đời,
Nước Việt thịnh cường vạn thuở!

35. Kính lễ!

Hoàng Thành Thăng Long, ngày 09 tháng 11 năm 2023
Nhà thư pháp Lê Thiên Lý phóng soạn theo tư liệu BTC Festival Bảo tồn và Phát triển Làng nghề Việt Nam 2023 và tổng hợp của Nhà báo Vương Xuân Nguyên

Bản Chúc văn tôn vinh tổ nghề Việt Nam

Đặc biệt, trong khuôn khổ Fesstival, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức Hội thi Sản phẩm Thủ công Mỹ nghệ Việt Nam năm 2023, nhằm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá và tôn vinh các sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam; khuyến khích các tác giả phát huy ý tưởng sáng tạo nhằm tạo ra các sản phẩm thủ công mỹ nghệ mới, vừa có tính kỹ thuật, mỹ thuật, ứng dụng cao và đáp ứng được các tiêu chí về phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Thông qua đó góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và thúc đẩy tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm và cải thiện thu nhập cho người lao động.

Không gian sáng tạo làng nghề tại Festival

Sản phẩm dự thi gồm sản phẩm thủ công mỹ nghệ thuộc 5 nhóm đáp ứng được tiêu chí theo Quy chế Hội thi gồm gốm sứ và thủy tinh; dệt và thêu; mây, tre, lá; sơn mài, khảm trai, gỗ mỹ nghệ; khác (sừng, trai ốc, chạm khắc đá kim khí; hoa, tranh…).

Kết quả, Ban tổ chức đã tôn vinh 45 tác phẩm đạt giải của Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2023 trong đó gồm: 5 giải A; 10 giải B; 15 giải C và 15 giải khuyến khích của Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2023. Đây là 45 tác phẩm xuất sắc được lựa chọn từ 400 sản phẩm tham dự của 196 tác giả đến từ các địa phương, trong đó Thành phố Hà Nội có 255 sản phẩm.

5 NHÓM CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

Trọng Quỳnh

Tại kỳ họp thứ 5 vừa qua, với 94,33% đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Hợp tác xã (sửa đổi). Việc Luật Hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung toàn diện đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi, thông thoáng cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào nền kinh tế - xã hội trong nước và hội nhập quốc tế... Cổng TTĐT Quốc hội trân trọng giới thiệu 5 nhóm chính sách mới nổi bật của Luật Hợp tác xã năm 2023:

5 NHÓM CHÍNH SÁCH MỚI

1. NHÓM QUY ĐỊNH VỀ BẢN CHẤT HTX, PHÁT TRIỂN THÀNH VIÊN HTX

- Bổ sung phân loại thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn và liên kết không góp vốn nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức khác, các chuyên gia có thể tham gia góp vốn, góp sức lao động, liên kết sản xuất, kinh doanh để cùng phát triển HTX, liên hiệp HTX.

- Bổ sung quy định Quỹ chung không chia là nguồn hình thành tài sản chung không chia mang tính đặc thù. Luật quy định cụ thể mức trích lập quỹ tối thiểu từ thu nhập của giao dịch bên ngoài là 5% đối với hợp tác xã, 10% đối với liên hiệp HTX nhằm bảo đảm quỹ chung không chia, tài sản chung không chia không ngừng phát triển, thu hút cá nhân, tổ chức tham gia vào HTX, liên hiệp HTX.

2. NHÓM QUY ĐỊNH MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, NÂNG CAO KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN, TẠO ĐỘNG LỰC CHO HTX PHÁT TRIỂN

- Trao quyền cho HTX, liên hiệp HTX tự quyết định việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài sau khi đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thành viên, phát triển thị trường bình đẳng như các loại hình doanh nghiệp khác.

- Tăng tỷ lệ vốn góp tối đa của thành viên chính thức lên 30% vốn điều lệ đối với HTX, 40% vốn điều lệ với liên hiệp HTX; thành viên có thể góp vốn bằng nhiều hình thức.

3. NHÓM QUY ĐỊNH NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH HXT

- Bổ sung 01 chương về kiểm toán HTX, liên hiệp HTX để nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong quản lý.

- Bổ sung thêm tổ chức quản trị rút gọn (không có HĐQT) cho HTX siêu nhỏ, liên hiệp HTX dưới 10 thành viên được lựa chọn áp dụng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số hoạt động quản lý, điều hành của HTX.

4. NHÓM QUY ĐỊNH TỔ HỢP TÁC VÀ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN

- Luật Hợp tác xã năm 2023 đã thiết kế 1 chương riêng quy định về tổ hợp tác. Các tổ hợp tác khi góp vốn và hợp đồng hợp tác không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ 12 tháng trở lên phải đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh để thống nhất quản lý. Luật cũng bổ sung chính sách hỗ trợ chuyển đổi tổ hợp tác lên HTX.

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ địa vị pháp lý của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 20-NQ/TW là tổ chức đại diện, bảo vệ lợi ích cho thành viên; đại diện cho tất cả các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX trên phạm vi cả nước.

Liên minh HTX Việt Nam là tổ chức đại diện, bảo vệ lợi ích cho thành viên; đại diện cho tất cả các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX trên phạm vi cả nước.

5. NHÓM QUY ĐỊNH NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ TẬP THỂ

- Luật Hợp tác xã năm 2023 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về đăng ký, tổ chức lại, giải thể theo hướng đơn giản, số hóa: Bỏ phương án sản xuất kinh doanh; cho phép đăng ký thành lập trực tuyến, sử dụng số định danh cá nhân thay cho các giấy tờ pháp lý cá nhân; bỏ quy định bắt buộc thành lập Hội đồng giải thể, thay vào đó hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm thực hiện giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ xóa tên trên hệ thống đăng ký sau 180 ngày. Bổ sung quy định về Hệ thống thông tin quốc gia về HTX.

- Luật đã thể chế hóa đầy đủ 8 nhóm chính sách của Nghị quyết số 20-NQ/TW và dành một Chương riêng cho các chính sách này để tạo động lực thúc đẩy các tổ chức kinh tế tập thể phát triển.

- HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có thêm chính sách hỗ trợ đặc thù.

"Quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023 bảo đảm và phát huy đặc trưng, nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã; thu hút nhiều thành phần, đối tượng tham gia, phát triển thành viên; loại bỏ các quy định gây trở ngại gia nhập thị trường; xây dựng hệ sinh thái các tổ chức kinh tế hợp tác phát triển năng động, hiệu quả, bền vững, giúp nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của các thành viên và góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội".

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
TRẦN QUỐC PHƯƠNG

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ QUỐC HỘI - *http://quochoi.vn*

17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐẾN NĂM 2030

XÓA ĐÓI
Chấm dứt nạn đói, đạt được an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững

SỨC KHỎE TỐT & CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC
Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc mọi lứa tuổi

BÌNH ĐẲNG GIỚI
Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ, trẻ em gái

NĂNG LƯỢNG SẠCH & GIÁ HỢP LÝ
Đảm bảo tiếp cận năng lượng giá hợp lý đáng tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người

CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO & HẠ TẦNG
Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện và khuyến khích đổi mới bền vững

THÀNH PHỐ & CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG
Làm cho các thành phố, khu vực sinh sống của con người trở nên toàn diện, an toàn, linh động và bền vững

HÀNH ĐỘNG BẢO VỆ KHÍ HẬU
Hành động khẩn cấp để ứng phó khí hậu và tác động của nó

CUỘC SỐNG TRÊN MẶT ĐẤT
Bảo vệ các hệ sinh thái, quản lý bền vững rừng, chống sa mạc hóa, ngăn suy thoái đất và đa dạng sinh học

QUAN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN CẦU
Tăng cường các phương tiện thực hiện và sức sống mới cho các đối tác toàn cầu để phát triển bền vững

XÓA NGHÈO
Chấm dứt nghèo nàn trong tất cả mọi hình thức ở mọi nơi

GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG
Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện và công bằng, thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
Đảm bảo quản lý bền vững và cung cấp nước, điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ & VIỆC LÀM BỀN VỮNG
Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện, liên tục tạo việc làm đầy đủ, hiệu quả, bền vững cho mọi người

GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG
Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia

TIÊU DÙNG & SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM
Đảm bảo các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

CUỘC SỐNG DƯỚI NƯỚC
Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và nguồn tài nguyên biển

XÃ HỘI HÒA BÌNH
Thúc đẩy xã hội hòa bình, cung cấp quyền tiếp cận tư pháp cho tất cả mọi người, xây dựng thể chế hiệu quả, trách nhiệm và toàn diện ở các cấp

Quan điểm và giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới

TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm
Khoa Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị Khu vực I

Trong những năm qua, mô hình kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là hợp tác xã được xác định là thành phần kinh tế quan trọng, luôn được Đảng, Nhà nước khuyến khích phát triển. Đặc biệt, việc Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể và Quốc hội ban hành Luật Hợp tác xã năm 2012 đã khẳng định rõ vai trò của kinh tế tập thể và hợp tác xã đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tuy nhiên, thực tiễn yêu cầu đặt ra, cần tiếp tục có sự đổi mới mạnh mẽ để phát huy hết tiềm năng, sức mạnh nội tại của khu vực kinh tế tư nhân nói chung và hợp tác xã nói riêng.

Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã xác định phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể (KTTT) đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) kiểu mới, chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, liên HTX cổ phần... Theo đó, trong giai đoạn 2006-2011, kinh tế hợp tác và HTX phát triển khá đa dạng, đóng góp bình quân 6,8% GDP/năm.

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng tiếp tục nêu rõ: Đẩy mạnh phát triển KTTT với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là HTX. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các HTX, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình KTTT khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, có chức năng kinh tế - xã hội... Điều này khẳng định, Đảng và Nhà nước đã quan tâm tới việc tổng kết tình hình sau thời gian thực hiện Luật HTX để xem xét, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ KTTT, HTX phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đến Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đã khẳng định, khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là HTX với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Đồng thời, đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế HTX trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ.

Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là HTX với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của các thành viên, nâng cao khả năng huy động nguồn lực. Mục tiêu phát triển KTTT năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của KTTT, thu hút nông dân, hộ kinh tế cá thể, cá nhân và nhiều tổ chức tham gia KTTT, HTX.

Đặc biệt, việc Trung ương ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của KTTT và Quốc hội ban hành Luật HTX năm 2012 đã khẳng định rõ vai trò của KTTT và HTX đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả phát triển kinh tế tập thể

Cùng với tiến trình đổi mới kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực KTTT đã trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau, trong đó có những thuận lợi và khó khăn, thách thức. Nổi bật là sự thay đổi mô hình HTX kém hiệu quả sang mô hình HTX tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Khu vực KTTT với nhiều loại hình tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, trong đó nòng cốt là HTX là một trong những thành phần kinh tế quan trọng đã khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường, bước đầu khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế đất nước.

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, khu vực KTTT, HTX đã có bước phát triển về chất lượng, khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài; Việc chuyển đổi, tổ chức lại các HTX theo quy định của Luật HTX cơ bản được hoàn thành...

Về cơ bản, Nghị quyết số 13-NQ/TW đã được các cấp, các ngành triển khai nghiêm túc, từ việc học tập, quán triệt

và thể chế hóa, đến việc thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra. 100% các tỉnh, thành phố đã ban hành đề án, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch phát triển KTTT theo từng giai đoạn. Nhận thức của hệ thống chính trị và người dân về HTX kiểu mới được nâng lên, cơ bản xây dựng, ban hành hệ thống quy định pháp luật và cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX theo yêu cầu của Nghị quyết và tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp thực tế của từng giai đoạn phát triển.

Việc chuyển đổi xong cơ bản các HTX cũ, tập trung xử lý, giải thể các HTX tồn tại hình thức, yếu kém kéo dài đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các HTX trong những năm qua, nhất là trong giai đoạn từ năm 2017 trở lại đây. Bên cạnh việc chuyển đổi, tổ chức lại các HTX cũ, công tác vận động, hướng dẫn thành lập các HTX mới cũng có kết quả tốt.

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, số lượng hợp tác xã nông nghiệp đã tăng 12.569 HTX. Từ năm 2012 đến nay, trung bình mỗi năm tăng thêm 800 hợp tác xã; tính đến hết tháng 6/2023, cả nước có khoảng 20.057 HTX nông nghiệp, 92 Liên hiệp HTX và hơn 30.000 tổ hợp tác nông nghiệp; số lượng thành viên hợp tác xã nông nghiệp khoảng 3,78 triệu người. Không chỉ tăng nhanh về số lượng, mà chất lượng và hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp cũng đã được cải thiện (trong đó có 2.200 HTX ứng dụng công nghệ cao). Năm 2020, doanh thu của các hợp tác xã đạt bình quân 2,44 tỷ đồng/năm, thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên đạt 40,5 triệu đồng/năm, gấp 9,1 lần so với năm 2001. Các chuỗi liên kết, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được phát triển với 4 tác nhân tham gia gồm 271 tổ chức khoa học, 586.585 hộ nông dân, 4.028 HTX nông nghiệp tham gia liên kết với 1.867 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Thông qua mô hình kinh tế HTX, các thành viên có điều kiện tham gia và được sự hỗ trợ của các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại, an toàn vệ sinh lao động, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... đã hỗ trợ các thành viên phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo.

Một số HTX bước đầu hỗ trợ kinh tế thành viên, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho thành viên và người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Các HTX ngày càng tập trung hơn vào hỗ trợ kinh tế thành viên phát triển thông qua việc cung cấp các dịch vụ thành viên, nhất là thành viên HTX nông nghiệp. Từ năm 2002 trở lại đây, các HTX nông nghiệp chuyển đổi đã khắc phục được tình trạng thua lỗ kéo dài, tổ chức các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống của các xã viên. Trong khi tỷ trọng vốn đầu tư cho khu vực HTX trong tổng vốn đầu tư của nền kinh tế là rất thấp, chỉ chiếm 0,63% nhưng khu vực HTX đã đóng góp vào tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân với mức đóng góp bình quân 5,21%/năm (giai đoạn 2001-2020), thu hút số lượng lớn thành viên tham gia...

Bên cạnh kết quả đạt được, khu vực KTTT của nước ta còn một số tồn tại, chưa phát huy được tối đa tiềm năng trong hỗ trợ phát triển kinh tế thành viên, cũng như đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước. Trong đó, tốc độ tăng trưởng khu vực KTTT còn thấp và tỷ trọng đóng góp vào GDP giảm liên tục, không đạt được mục tiêu Nghị quyết số 13-NQ/TW đề ra; công tác nghiên cứu lý luận về HTX chưa có hệ thống, chưa có các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy chuyên sâu về HTX; chưa đưa nội dung phát triển KTTT vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề như yêu cầu của Nghị quyết; khung khổ pháp luật, chính sách về HTX còn nhiều rào cản, chưa bao quát được sự phát triển sinh động của các loại hình kinh tế hợp tác ở nước ta...

Mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế tập thể

Với quan điểm KTTT nòng cốt là HTX là một trong bốn thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế, chiến lược phát triển KTTT tiếp tục đưa ra các mục tiêu phát triển mới. Cụ

thể, mục tiêu đến năm 2030, cả nước có khoảng 140 nghìn tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45 nghìn HTX với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp HTX với 1.700 HTX thành viên. Số HTX hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60% - 70% trên tổng số HTX cả nước.

Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; khoảng 80% giám đốc HTX được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc. Phấn đấu đến năm 2030, cả nước có trên 5.000 HTX và 500 tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản. Đồng thời, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và HTX, phấn đấu có khoảng 50% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Xử lý dứt điểm các HTX đã ngừng hoạt động và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012.

Định hướng phát triển chung của KTTT là khuyến khích phát triển trong các ngành nghề, lĩnh vực, vùng miền của đất nước, ưu tiên xây dựng các mô hình HTX gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm chủ lực của quốc gia, địa phương, chương trình OCOP...; mở rộng quy mô thành viên.

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, trong thời gian tới cần triển khai các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển KTTT, HTX và pháp luật có liên quan (đất đai, thuế, tín dụng...), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để KTTT, HTX phát triển bền vững. Cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước với KTTT, HTX phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của đất nước.

Hai là, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển KTTT, HTX.

Ba là, mở rộng các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả để tạo sức lan tỏa trong xã hội. Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của KTTT, HTX.

Bốn là, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong phát triển KTTT. Trong đó, cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm của các bộ, ngành, các địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (nhất là Hội Nông dân Việt Nam).

Năm là, phát huy vai trò của Liên minh HTX Việt Nam. Đây là tổ chức đại diện cho quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các HTX và các xã viên. Vì vậy, Liên minh HTX cần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc chủ động đề xuất, tham mưu với Đảng, Nhà nước, các cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT. Đồng thời, kiến nghị các cơ quan chức năng xem xét giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các HTX phát triển.

Sáu là, phát triển KTTT với nhiều hình thức đa dạng từ thấp đến cao: Các tổ hợp tác, các HTX, liên minh các HTX… tăng cường liên kết, hợp tác giữa KTTT với các thành phần kinh tế khác như kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài.

Tài liệu tham khảo:

Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội IX, X, XII, XII, XIII;

Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết số 13-NQ/TW khóa IX;

Quốc hội (2012), Luật Hợp tác xã;

Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

"Vẻ đẹp nghề muối"

Bảo tồn và phát triển nghề muối truyền thống, kết nối doanh nghiệp với diêm dân sản xuất muối để xây dựng và phát triển thương hiệu không chỉ trong nước mà tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng được ngành Kinh tế Hợp tác và PTNT quan tâm triển khai trong thời gian vừa qua.

Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế tập thể

Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại DCRD

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 09/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Nghị quyết nêu rõ, Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, ngành, địa phương triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả quan điểm chỉ đạo, phấn đấu cao nhất để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế tập thể mà Nghị quyết số 20-NQ/TW đã đề ra, đó là: Đến năm 2030 có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên. Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá.

Trong đó, có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị; có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hoá gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

Đến năm 2030 có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên

Đến năm 2045, thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế tập thể. Mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, chất lượng hoạt động ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới. Bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết. Phấn đấu có ít nhất 3 tổ chức kinh tế tập thể nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu do Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) công nhận. Các tổ chức kinh tế tập thể đều áp dụng công nghệ, nhất là chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

5 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để đạt được các mục tiêu trên, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1- Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Hoàn thiện khung pháp lý về kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,...) và các tổ chức đại diện để nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng coi các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho kinh tế tập thể. Bố trí nguồn kinh phí tương xứng từ ngân sách nhà nước để bảo đảm triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể.

3- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể. Có chính sách phù hợp để tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng của kinh tế tập thể.

Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo điều kiện phát huy tinh thần dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên trong các tổ chức kinh tế tập thể; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, khơi dậy phong trào quần chúng nhân dân tham gia phát triển các tổ chức kinh tế tập thể.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia của tổ chức kinh tế tập thể.

4- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước và hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể có chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo chuyên sâu về kinh tế tập thể.

5- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể.

Một số chương trình

"Mỗi xã một sản phẩm" trên thế giới

PHƯƠNG NAM - NGÂN ANH

Phong trào "Mỗi làng một sản phẩm (One Village One Product - OVOP)" bắt đầu được khởi xướng ở tại tỉnh Oita, Nhật Bản vào năm 1979. Từ đó, Phong trào OVOP đã lan tỏa và được triển khai thực hiện ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

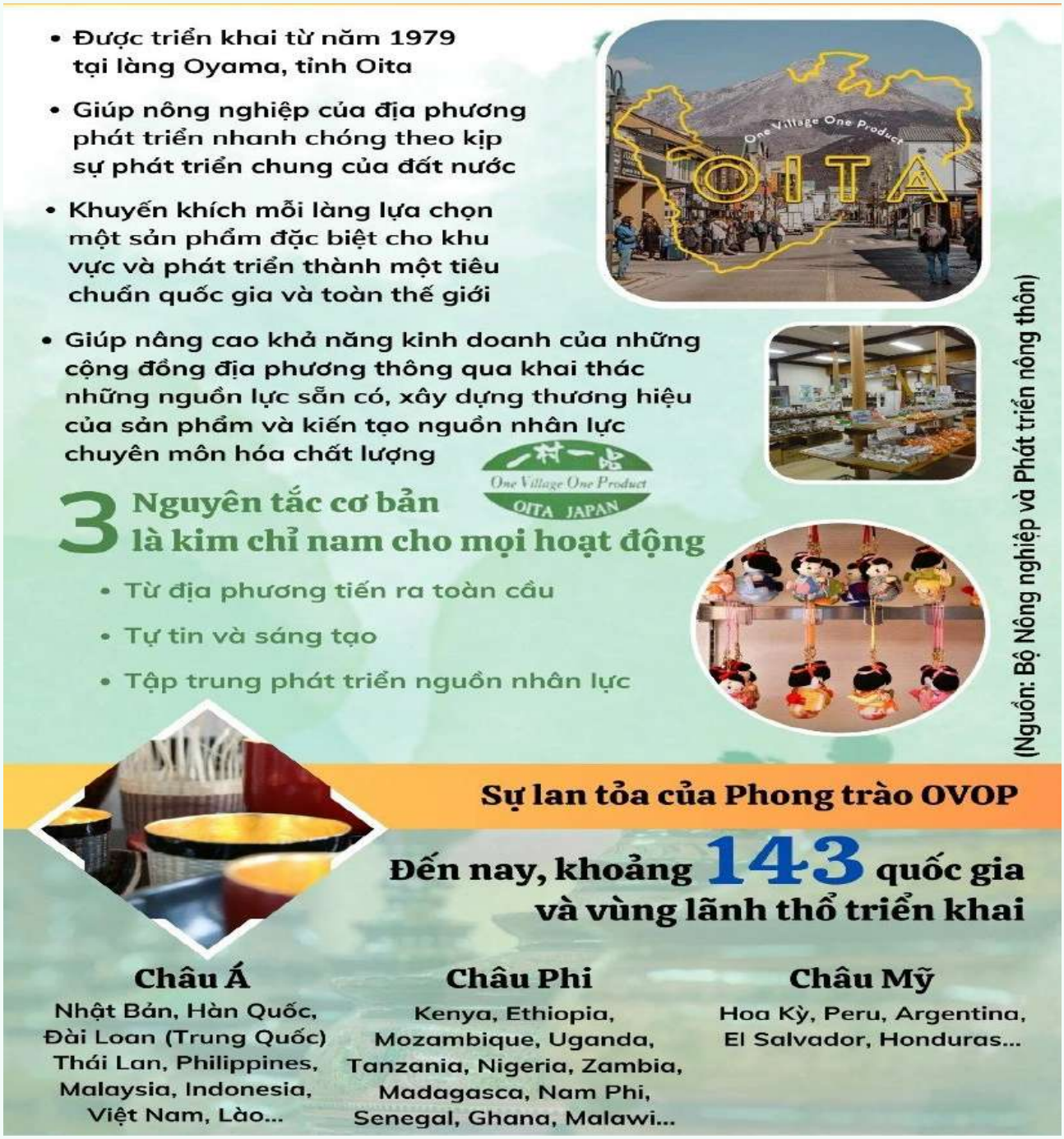

Mỗi nước xây dựng những phong trào, chương trình phù hợp

Trung Quốc: Các phong trào: "Mỗi nhà máy một sản phẩm", "Mỗi thành phố một sản phẩm", "Mỗi làng một báu vật"

Thái Lan: Chương trình "One Tambon, One Product (OTOP) - Mỗi làng một sản phẩm"

Philippines: Phong trào "One Barangay One Product (OBOP) - Mỗi làng một sản phẩm", "One Town One Product (OTOP) - Mỗi thị trấn một sản phẩm"

Malaysia: Phong trào "Satu Kampung, Satu Produk - Mỗi làng một sản phẩm", hiện nay là phong trào "Satu daerah, Satu Industry (SDSI) - Mỗi làng một nghề"

Indonesia: Phong trào "Back to Village" (Trở lại làng quê")

Campuchia: Phong trào "One Village One Product" (Mỗi làng một sản phẩm)"

Hàn Quốc: Chương trình "Mỗi làng một nhãn hiệu"

Hoa Kỳ: Phong trào One Paris One Product" (Mỗi xứ một sản phẩm)...

Điểm chung cơ bản của các chương trình

Mục tiêu hướng tới phát triển kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống cho nông dân.

Khai thác các nguồn lực nội sinh tiềm năng sẵn có của từng khu vực, vùng miền tạo ra những sản phẩm thế mạnh, đặc trưng tạo thành mũi nhọn để đưa ra thị trường.

Được Chính phủ chú trọng tạo mọi cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển.

Tăng cường xúc tiến thương mại, nâng cao giá trị sản phẩm, quảng bá hình ảnh địa phương và quốc gia.

Nhân Dân

CẢ NƯỚC CÓ HƠN 10.300 SẢN PHẨM OCOP ĐẠT 3 SAO TRỞ LÊN

OCOP
ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

5 NĂM CẢ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP (2018-2023)

sản phẩm

42	★★★★★	5 sao
0,8%	★★★★★	5 sao (tiềm năng)
31,2%	★★★★	4 sao
67,3%	★★★	3 sao

10.322
sản phẩm đạt 3 sao trở lên

5.361
chủ thể OCOP

Hợp tác xã
38,1%

Cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh
34,9%

Doanh nghiệp

24,2%

Tổ hợp tác

2,8%

CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ KHAI THÁC ĐƯỢC TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP

Cơ cấu trong tổng sản phẩm OCOP của cả nước

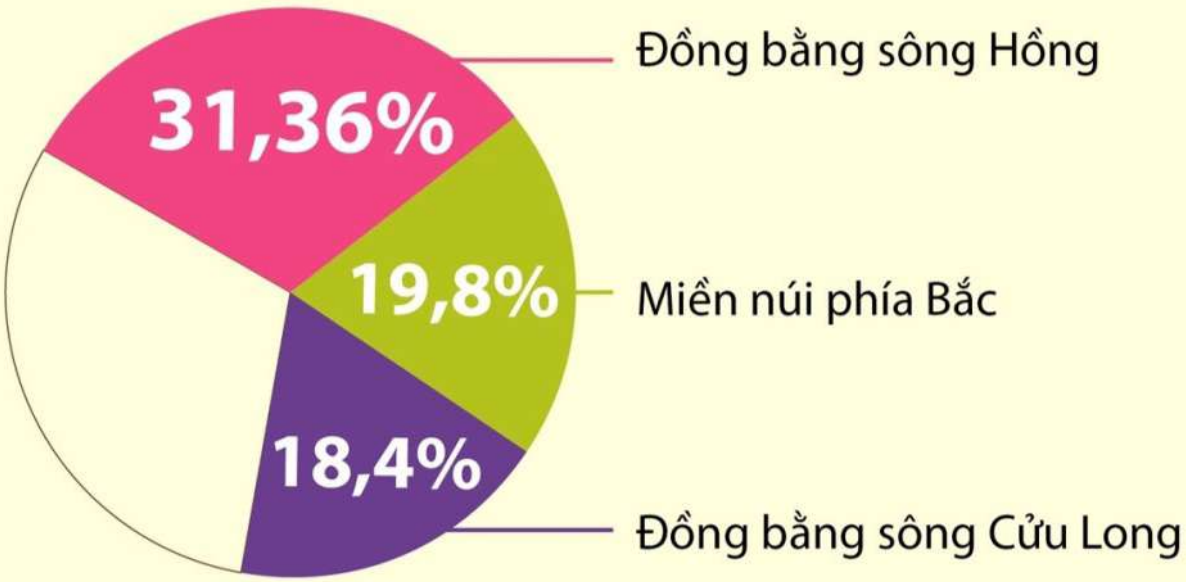

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Chương trình OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 với 3 mục tiêu: Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

OCOP: Chương trình "mỗi xã, phường một sản phẩm"

© TTXVN Vietnam News Agency

Du lịch làng nghề: Thách thức và Triển vọng

An Ban

Mới đây, Lễ hội truyền thống làng cổ Bát Tràng đã diễn ra với nhiều hoạt động hấp dẫn, thu hút hàng nghìn người dân và khách du lịch tham gia. Làng gốm Bát Tràng đã từng trải qua nhiều thăng trầm trong lịch sử, nhưng ngày nay, với sự sáng tạo trong sản phẩm và trải nghiệm du lịch, nó đã trở thành điểm đến nổi tiếng thu hút đông đảo du khách.

Lễ hội truyền thống làng gốm Bát Tràng năm 2024.

Sức hút đặc biệt của du lịch làng nghề

Lễ hội truyền thống của làng gốm Bát Tràng không chỉ là một dịp để tôn vinh di sản văn hóa độc đáo mà còn là một điểm nhấn về sự phát triển của ngành du lịch trong khu vực.

Bát Tràng, qua những giai đoạn phát triển, đã trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng nhờ sự sáng tạo trong sản phẩm và trải nghiệm du lịch. Lễ hội truyền thống tại làng cổ Bát Tràng đã trở thành biểu tượng văn hóa độc đáo, là niềm tự hào của người dân Bát Tràng với nghề gốm truyền thống từ cha ông. Từ lúc sáng sớm, du khách đã đổ về làng Bát Tràng. Từ lễ rước nước, lễ Tam Sinh, đến lễ rước kiệu quanh làng hay các hoạt động chúc mừng từ các làng khác, những nghi lễ này thu hút rất đông du khách, đặc biệt là du khách quốc tế.

Ông Gavin từ Australia chia sẻ: "Tôi đến thăm làng gốm và thực sự ấn tượng với lễ hội hôm nay. Từ những màu sắc rực rỡ đến các trang phục độc đáo đều vô cùng hấp dẫn."

Bà Robyn, cũng từ Australia, phát biểu: "Thật là một may mắn đặc biệt khi được tham dự lễ hội này. Chúng tôi đều thích thú với sự kiện hôm nay. Mọi thứ đều mới lạ và thu hút."

Việc biến các di sản văn hóa như lễ hội thành sản phẩm du lịch là một hướng đi quan trọng của làng gốm Bát Tràng trong những năm gần đây. Sự công nhận "điểm du lịch của thủ đô" vào năm 2019 đã tăng gấp đôi lượng khách du lịch, kích thích sự phát triển của nhiều sản phẩm du lịch và không gian trải nghiệm văn hóa. Việc quảng bá hình ảnh làng nghề như một điểm đến du lịch hấp dẫn được triển khai bài bản. Các doanh nghiệp sản xuất gốm truyền thống cũng đã bắt đầu hướng tới phát triển du lịch.

Ông Phạm Huy Khôi, Chủ tịch UBND xã Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội) khẳng định: "Chúng tôi luôn luôn quan tâm đến vấn đề truyền thông và từ vấn đề truyền thông, du khách không chỉ trong địa phương mà ngoài địa phương, các tỉnh cũng nắm được thông tin liên quan đến lễ hội của Bát Tràng và đặc biệt là các cái hoạt động của Bát Tràng. Trong thời gian tới, các cái hoạt động về du lịch của Bát Tràng sẽ được đẩy mạnh và đặc biệt là các hạ tầng cơ sở phục vụ cho du lịch cũng sẽ được nâng cao hơn."

Ông Nguyễn Trung Thành, Tổng giám đốc trung tâm Ngàn năm gốm Việt cho biết: "Tại Bát Tràng cũng đang có một sự dịch chuyển rất lớn. Đó là những cơ sở sản xuất truyền thống, những doanh nghiệp hoạt động truyền thống. Họ bắt đầu đưa tư duy du lịch vào trong quá trình sản xuất, đặc biệt là bắt đầu đóng gói sản phẩm, các không gian trưng bày, cảnh quan, hướng dẫn viên, xe điện và đặc biệt đã có những mô hình chuyên nghiệp như homestay, dịch vụ ăn ở, và có hướng dẫn viên thuyết minh."

Đơn cử, Trung tâm tinh hoa làng nghề Việt - một không gian du lịch trải nghiệm độc đáo của Bát Tràng đã trở thành mô hình điểm về sự thành công khi kết hợp du lịch với làng nghề truyền thống.

Vẫn còn đó nhiều thách thức

Tuy nhiên, để du lịch làng nghề phát triển mạnh mẽ, cần có kế hoạch và quy hoạch địa phương rõ ràng.

Theo thống kê của Hiệp hội làng nghề Việt Nam, cả nước hiện có khoảng 5400 làng nghề. Số lượng làng nghề ở miền Bắc chiếm gần 40%, tập trung nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Hồng với khoảng 1500 làng, trong đó khoảng 300 làng đã được công nhận là làng nghề truyền thống. Trải qua lịch sử hình thành hàng trăm năm, đây là nơi sản sinh và lưu giữ nghề truyền thống với những sản phẩm thủ công mỹ nghệ hội tụ tinh hoa văn hóa dân tộc. Cùng với đó là những giá trị về cảnh quan, thiên nhiên, kiến trúc, di sản, mang đến tiềm năng to lớn để phát triển du lịch. Tuy nhiên, làm thế nào để biến những tài nguyên này thành sản phẩm du lịch hấp dẫn vẫn là bài toán hóc búa khiến nhiều làng nghề loay hoay.

Vấn đề về cơ sở hạ tầng và quản lý vẫn còn là thách thức đối với nhiều làng nghề. Hầu hết các làng nghề đều phát triển tự phát, thiếu quy hoạch, cơ sở hạ tầng ở các khu vực làng nghề còn chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại tham quan và lưu trú của khách du lịch, chưa tận dụng được những lợi thế sẵn có. Đơn cử như xã Đông Sơn, TP. Tam Điệp, nơi mặc dù đã trở thành điểm đến mới quen thuộc của du khách với làng nghề trồng đào phai và đa dạng các loại cây trồng, con nuôi đặc sản, nhưng vẫn đối mặt với những khó khăn trong việc phát triển du lịch, phát huy hiệu quả du lịch làng nghề.

Ông Trịnh Văn Tiến, Giám đốc HTX Nông sản và Du lịch TP. Tam Điệp cho biết: "Trong nghiệp vụ, xây dựng sản phẩm cụ thể cho vùng đấy đôi khi còn chưa đồng bộ. Ban chủ nhiệm cũng đã trao đổi và đi tham quan nhiều lần để tìm ra phương án."

Cần những giải pháp thực tế, đồng bộ

Để du lịch làng nghề thực sự phát huy thế mạnh và thu hút du khách trong và ngoài nước, các công ty lữ hành cần tăng cường kết hợp với các địa phương. Đặc biệt là với các nghệ nhân để xây dựng các chương trình du lịch trải nghiệm làng nghề đa dạng và hấp dẫn hơn.

Ông Hoàng Bình Minh, Chi Hội trưởng chi hội Lữ hành Ninh bình nói: "Chúng tôi cũng đã tập trung vào rà soát, kiểm tra và tìm hiểu thêm về các sản phẩm làng nghề truyền thống. Sau đó, có các buổi hội thảo tọa đàm với các chuyên gia làng nghề. Sau đó, chúng tôi sẽ xây dựng thành các sản phẩm và hiện nay thì chúng tôi đang chào bán các sản phẩm này cho du khách ở trong nước và quốc tế."

Trong giai đoạn 2021-2030 Ninh Bình đặt mục tiêu triển khai 04 điểm làng nghề phục vụ du lịch với vốn đầu tư khoảng 60 tỷ đồng/làng nghề. Trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%. Đây sẽ là động lực để thúc đẩy hơn nữa việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử gắn với du lịch của mỗi địa phương. Phát triển sản phẩm du lịch nào để thu hút khách du lịch và níu chân du khách nhiều lần cũng sẽ là bài toán đồng thời được đặt ra với nhiều địa phương.

Ông Vũ Anh Dân, Giám đốc TT Tư vấn phát triển Du lịch, Trường ĐH Mở Hà Nội: "Đầu

tiên, một điểm du lịch muốn phát triển được cần có một tổ chức quản lý điểm đến du lịch. Và ở quốc tế thì đây cũng là một hoạt động rất phổ biến. Bởi vì nếu chúng ta để cho các làng nghề tự mình tiếp thị và tự mình gắn kết với du lịch thì nó sẽ hơi khó. Chúng ta cần một nhạc trưởng để điều phối chung. Thứ hai, chúng ta cần phải có một cơ chế để khuyến khích việc phát triển du lịch. Bởi vì thông thường nếu chúng ta muốn khách đến với một làng nghề thì cần phải có hoạt động cho khách du lịch ở đủ lâu. Họ không chỉ tham quan mà còn phải nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và điều đó gắn với việc quy hoạch phát triển, đảm bảo rằng ở một khu làng du lịch chúng ta sẽ có nơi phát triển cho các dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ giải trí khác."

Nhắc đến du lịch làng nghề không thể bỏ qua câu chuyện thành công của du lịch Thái Lan với mô hình mỗi làng nghề một sản phẩm mà Việt Nam cũng đang hướng đến. Hiện nay, Thái Lan có khoảng 70.000 làng nghề truyền thống tạo ra nhiều sản phẩm thủ công có giá trị cao và tạo sức hút cho du lịch với mô hình mỗi làng một sản phẩm. Việc phát triển du lịch kết hợp với bảo tồn nghề truyền thống và tạo ra sản phẩm độc đáo đã giúp Thái Lan thu hút hàng triệu du khách và mang lại nguồn thu nhập lớn cho địa phương.

Sản phẩm gốm sứ làng nghề truyền thống Lampang.

Điển hình như làng nghề gốm sứ truyền thống Lampang với lịch sử hàng trăm năm. Sau gần hai thập niên thực hiện mô hình trên, hiện Lampang có trên 200 cơ sở sản xuất lớn nhỏ, cung cấp hàng triệu sản phẩm xuất khẩu mỗi tháng, mang lại việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương. Ngoài ra với chủ trương phát triển du lịch kết hợp với phát huy nghề gốm xứ truyền thống, làng nghề ở miền núi phía Bắc Thái Lan này đã thu hút tới hơn 500.000 khách tham quan mỗi ngày.

Để triển khai tốt ý tưởng "Mỗi làng một sản phẩm", chính phủ Thái Lan đã thành lập Ủy ban OTOP quốc gia do Thủ tướng đứng đầu với các Bộ ngành có liên quan. Năm 2019, chỉ tính riêng nguồn thu từ buôn bán các mặt hàng OTOP "mỗi làng một sản phẩm" qua các kênh như hội chợ, trang web trực tuyến, cửa hàng và lễ hội nước ngoài đã lên đến hơn 6 triệu đô la Mỹ. Chính hoạt động du lịch làng nghề góp phần bảo tồn nghề truyền thống, nâng cao giá trị hàng hóa địa phương, đặc biệt là mở rộng trải nghiệm cho du khách với hành trình khám phá quy trình sản xuất sản phẩm, giao lưu với nghệ nhân và thử sức tự tay tạo ra sản phẩm, xây dựng thành công chính sách và quy hoạch tốt đã giúp Thái Lan khai thác hiệu quả hoạt động du lịch tại các làng nghề.

Phát triển làng nghề thành điểm trung tâm du lịch là cách để phát triển làng nghề và quảng bá sản phẩm tốt nhất. Để thành công, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Cơ quan chức năng cần cải thiện quy hoạch làng nghề theo hướng đa dạng hóa ngành nghề nhưng phải tạo ra được sản phẩm đặc trưng, bản sắc khác biệt. Các làng nghề cần đẩy mạnh quảng bá xuất tiến thương mại và du lịch, định vị thương hiệu làng nghề chuẩn, nâng cấp cơ sở hạ tầng và dịch vụ, bảo vệ môi trường và môi trường du lịch, đảm bảo du khách có trải nghiệm thú vị và đầy đủ, cảm nhận được những nét đẹp khi đến thăm làng nghề.

KHÚC TRÁNG CA TỰ HÀO NGÀNH KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PTNT

Vương Xuân Nguyên

Chương trình Nghệ thuật "Khát vọng hùng cường" là khúc tráng ca tự hào của ngành Kinh tế hợp tác và PTNT qua 20 năm xây dựng và trưởng thành (2003 – 2023).

Theo đó Chương trình nghệ thuật đặc sắc này được xây dựng công phu, hoành tráng, hội tụ nhiều nghệ sĩ tên tuổi đến từ các đoàn nghệ thuật trong và ngoài quân đội, nhằm khái quát những thành tựu nổi bật của ngành Kinh tế hợp tác và PTNT qua 20 năm xây dựng và trưởng thành (2003 – 2023), đồng thời thể hiện những mục tiêu, phương hướng và khát vọng của Ngành trong thời gian tới.

Như chúng ta đã biết, ngay khi giành được chính quyền và bước vào xây dựng nhà nước non trẻ năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo xây dựng hợp tác xã phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Trong thư gửi điền chủ nông gia năm 1946, Người đã viết: *"Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh. Nông dân muốn giàu, nông nghiệp muốn thịnh, thì cần phải có hợp tác xã".*

NSƯT Hương Giang, Tổng Đạo diễn Chương trình nghệ thuật "Khát vọng hùng cường"

Thực hiện lời dạy của Người, đến nay, khu vực kinh tế tập thể Hợp tác xã ở nước ta đã thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài, có bước phát triển tích cực cả về số lượng và chất lượng, xuất hiện nhiều loại hình Hợp tác xã, mô hình kinh tế tập thể có hiệu quả. Loại hình này đã đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định giá cả và kiềm chế lạm phát, tăng kim ngạch xuất khẩu, cơ cấu lại nền kinh tế, nhất là kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm, an sinh xã hội. Bằng ý chí quật cường, khát vọng mãnh liệt, dân tộc Việt Nam đã và đang gặt hái được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đó là tinh thần hợp tác mang bản sắc cây **"tre Việt Nam".**

Những năm qua, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới ngày càng thực chất và đi vào chiều sâu, gắn với mục tiêu xây dựng *"nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh"* góp phần đưa đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc. Tự hào với truyền thống vẻ vang của ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn với hành trình 20 năm xây dựng và trưởng thành đã góp phần viết nên **"Bài ca xây dựng nông thôn mới"** đẹp giàu và **"khúc ca làng nghề Việt"** phồn thịnh văn minh trên khắp đất nước Việt Nam tươi đẹp của chúng ta.

Đến nay cả nước có 216 nghề truyền thống, 2.039 làng nghề, làng truyền thống đã được công nhận. Tổng số cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn khoảng 880 nghìn cơ sở, bao gồm 13.201 DN, 5.592 HTX, 5.994 THT và trên 783.474 hộ gia đình, tạo việc làm cho trên 3,7 triệu lao động. Doanh thu các hoạt động ngành nghề nông thôn đạt trên 202.000 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 4-5 triệu/lao động/năm. Đánh thức tinh hoa làng nghề, khởi dậy tiềm năng văn hóa ở khắp các miền quê đã tạo ra sinh lực mới, sức sống mới cho nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hội nhập hiện nay. Từ những **"hạt muối quê hương"** cũng tìm đường hội nhập và phát triển, đến những miền quê nông thôn mới đang thay da đổi thịt, luôn rộn ràng hương sắc của **"mùa xuân làng lúa làng hoa"**.

Ngành Nông nghiệp và PTNT trong giai đoạn tới bên cạnh những thuận lợi to lớn, còn phải đối mặt với những khó khăn thách thức không nhỏ. Đó là sự biến đổi khôn lường của khí hậu toàn cầu; diễn biến phức tạp của thị trường; Sự biến chuyển nhanh chóng của xu thế tiêu dùng hiện đại. Trong bối cảnh đó, cán bộ, nhân viên, người lao động ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn nguyện chung sức đồng lòng, nỗ lực để góp phần xây dựng những miền quê đáng sống gắn với việc giữ gìn bản sắc văn hóa, bồi đắp **"hồn quê"** Đất Việt.

Tự hào với truyền thống vẻ vang sau 20 năm xây dựng và trưởng thành, tập thể lãnh đạo, cán bộ, nhân viên và người lao động ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn nguyện chung sức đồng lòng, phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được, với phương châm *"Đổi mới sáng tạo - Kết nối tiềm năng - Gia tăng giá trị - Phát triển bền vững"* hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng nền *"Nông nghiệp sinh thái - bền vững, Nông thôn hiện đại - đáng sống, Nông dân chuyên nghiệp - văn minh"* để **"tình yêu hợp tác"** mãi lan tỏa vươn xa cùng sự phát triển nhanh, mạnh và bền vững của Đất nước./.

MỘT SỐ SẢN PHẨM LÀNG NGHỀ ĐẠT GIẢI TẠI HỘI THI LÀNG NGHỀ NĂM 2023

HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN

Ấn phẩm của Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập viên: Nguyễn Thị Hương Giang

Vẽ bìa: Nguyễn Cao Cường

Sửa bản in: Lê Đức Thịnh

Trình bày sách: Nguyễn Cao Cường

Tổ chức xuất bản: Vương Xuân Nguyên

Liên kết xuất bản: Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại

---

In 500 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm tại Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại, địa chỉ: JA08 khu Biệt thự Thiên đường Bảo Sơn, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 900-2024/CXBIPH/6-36/DT. Quyết định xuất bản số: 823/QĐXB-NXBDT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 29 tháng 03 năm 2024. Mã ISBN: 978-604-40-2208-6. In xong nộp lưu chiểu năm 2024

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PTNT
Department of Cooperatives and Rural Development

DCRD

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PTNT
Department of Cooperatives and Rural Development

ISBN: 978-604-40-2208-6